

**TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Số: 100../VTDKĐD-TCHC
V/v: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
năm 2018 của PTT.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
2. Mã Chứng khoán: PTT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
4. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quang Huy – Giám đốc Công ty – Người đại diện theo pháp luật.
5. Nội dung của thông tin công bố:
Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

6. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty đăng tải: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương: <http://pvtrans-ptt.vn>.


Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG
QU. CẦU GIẤY, HÀ NỘI
M.S.D.N: 0102327357 - C.T.Đ

Nguyễn Quang Huy

Số: 01 /NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ, ngày 20/4/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị (*Phụ lục 01*).
2. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD năm 2018 của Giám đốc Công ty (*Phụ lục 02*).
3. Báo cáo hoạt động năm 2017 và Kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát (*Phụ lục 03*).
4. Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (*Phụ lục 04*).
5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	480,00	520,12	108%
2	Lợi nhuận trước thuế	7,00	7,39	106%
3	Lợi nhuận sau thuế	5,60	5,48	98%
4	Nộp ngân sách nhà nước	4,00	5,58	140%
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	2,43	0	0%



6. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 theo BCTC đã được kiểm toán	6.558.029.165
1.1	Lợi nhuận năm 2016 chuyển sang	1.079.142.647
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2017	5.478.886.518
2	Lợi nhuận năm 2017 đem phân phối	558.029.165
3	Lợi nhuận năm 2017 còn lại để bù đắp lỗ lũy kế	558.029.165
4	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2018	6.000.000.000

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	400,00
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	390,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,00
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	10,70
6	Kế hoạch Đầu tư và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	2,30

Ghi chú: Phụ lục Kế hoạch Đầu tư và mua sắm trang thiết bị đính kèm.

Và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

8. Báo cáo thực hiện thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 (Phụ lục 05).

9. Đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)

10. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị: Ông Phạm Anh Tuấn thay thế ông Nguyễn Quốc Phương kể từ ngày 20/9/2017 và ông Hoàng Trung Hưng thay thế bà Trần Thị Thu Phong từ ngày 14/3/2018.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (Phụ lục 06) và bổ sung các ngành nghề kinh doanh của Công ty tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty: Mua bán khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác; Cung ứng lao động tạm thời (Chi tiết: Cho thuê lại

lao động) và Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước). Giao Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

12. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (*Phụ lục 07*).

13. Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Quang Huy.

14. Miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Trần Minh Tuấn.

15. Kết quả bầu bổ sung một (01) thành viên HĐQT chuyên trách: Ông Bùi Hữu Cơ.

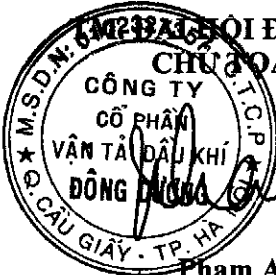
16. Kết quả bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên: Bà Lê Hải Yến.

Điều 2. Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

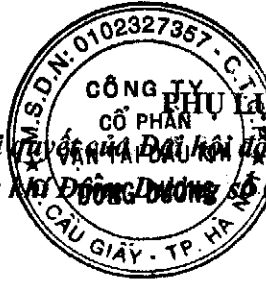
Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 20/4/2018.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu: VT, HĐQT.

**PHẠM ANH TUẤN**





PHỤ LỤC 01:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017:

Năm 2017, Công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn trực tiếp tới hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải. Các đơn vị khách hàng tiếp tục thực hiện chủ trương cắt giảm chi phí, dịch vụ và kiểm soát đầu tư; sản lượng CNG sụt giảm do PVGas thay đổi cơ chế nội bộ, sự cố cháy trạm biến áp của CNG phải mất hai tháng mới khắc phục xong, một số tuyến đường các tỉnh phía Bắc đưa các trạm BOT vào thu phí,... đã gây những ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải CNG. Tiến độ xây dựng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm dẫn đến kế hoạch vận tải than và kinh doanh đá vôi của Công ty không thực hiện được.

Tuy nhiên, Công ty có những thuận lợi nhất định. Đó là, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí, các cổ đông, sự chia sẻ ủng hộ của các đơn vị trong ngành như PVEP, PVGAS, BSR, GasD, PVGasN, CNG Việt Nam... và các đơn vị thành viên PVTrans. Ngoài ra, Công ty còn có được đội ngũ cán bộ nhân viên có tâm huyết, có trách nhiệm, năng lực làm việc ngày càng nâng cao, luôn đoàn kết, cùng nỗ lực làm việc vì sự tồn tại và phát triển của Công ty.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị hiện có 05 thành viên, đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, bao gồm:

- Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch (Ông Phạm Anh Tuấn được HĐQT bầu thay thế ông Nguyễn Quốc Phương từ ngày 20/9/2017 do ông Nguyễn Quốc Phương có đơn xin từ nhiệm).
- Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên
- Ông Nguyễn Quang Huy - Ủy viên
- Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên
- Ông Hoàng Trung Hưng – Ủy viên (Ông Hoàng Trung Hưng được HĐQT bầu thay thế bà Trần Thị Thu Phong từ ngày 14/3/2018 do cổ đông Tổng Công ty Dầu Việt Nam đề nghị thay thế).

2. Hoạt động của HĐQT và của các thành viên HĐQT Công ty:

2.1. Hoạt động của HĐQT:

a. Chỉ đạo hoạt động SXKD:

Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của PVTrans, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương phù hợp. Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và đột xuất (bao gồm cả các cuộc họp Tiểu ban của HĐQT); Đã tổ chức 03 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản về các nội dung thuộc thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vấn đề bất cập phát sinh, ban hành 27 nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai các hoạt động SXKD.

Các Nghị quyết/quyết định trong năm 2017 của HĐQT:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	04/01/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016
2	02/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	01/3/2017	Phê duyệt bán thanh lý 02 xe ô tô văn phòng cho thuê và 01 xe bồn chở LPG.
3	01/NQ-VTDKĐD-HĐQT	08/3/2017	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
4	02/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/4/2017	Họp thường kỳ Quý I năm 2017.
5	03/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	13/4/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình
6	04/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	13/4/2017	Bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh Công ty tại Thái Bình.
7	03/NQ-VTDKĐD-HĐQT	24/4/2017	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.
8	05/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	25/4/2017	Giao chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2017
9	04/NQ-VTDKĐD-HĐQT	28/4/2017	Chấp thuận phương án thế chấp xe ô tô để mở bảo lãnh thanh toán LPG theo Hợp đồng mua bán khí hóa lỏng số 60/2017/KMB/KD-DONGDUONG/B1 đã ký kết với Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc theo đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 132/TTr-VTDKĐD ngày 14/4/2017.
10	06/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	03/5/2017	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Công ty tại Thái Bình
11	07/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	31/5/2017	Phê duyệt kế hoạch định biên năm 2017 của Công ty
12	08/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	23/6/2017	Dừng kinh doanh hoạt động vận tải LPG đối với 02 xe bồn 10.2MT biển kiểm soát 30X-5040 và 30X-5043 để chờ thực hiện bán thanh lý tài sản.
13	05/NQ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Họp thường kỳ Quý II năm 2017
14	09/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “ Đầu tư bồn chứa CNG và rò mooc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – PVGas South”
15	10/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “ Đầu tư 41 xe ô tô đã qua sử dụng để tiếp tục thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ xe văn phòng với Tổng Công ty Khí Việt Nam nhận chuyển giao từ Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long”
16	11/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “ Đầu tư 43 xe ô tô đã qua sử dụng nhận chuyển giao từ Công ty CP Dịch vụ Vận

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			tải Dầu khí Cửu Long để mở rộng hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ xe văn phòng khu vực phía Nam”
17	12/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Ban hành Quy chế làm việc của HĐQT Công ty.
18	13/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Phê duyệt phương án thanh lý 02 xe bồn LPG 10,2 MT hiệu DONGFENG biển kiểm soát 30X-5040 và 30X-5043.
19	14/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	31/7/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.
20	06/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/9/2017	Họp thường kỳ Quý III năm 2017
21	15/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	20/9/2017	Dừng kinh doanh và dừng khấu hao đối với xe văn phòng cho thuê nhãn hiệu Hyundai County BKS 51B-091.24 để đưa vào diện chờ thanh lý.
22	07/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/9/2017	Bầu bổ sung thành viên HĐQT và Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.
23	08/NQ-VTDKĐD-HĐQT	11/10/2017	Dừng Hợp đồng thuê mua số 15/2016/PTT-SH ký ngày 01/8/2016 và bán thanh lý các xe thu hồi.
24	09/NQ-VTDKĐD-HĐQT	25/10/2017	Thông qua việc thanh lý xe ô tô nhãn hiệu Hyundai County BKS 51B-091.24
25	10/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/11/2017	Chấp thuận cam cố Hợp đồng tiền gửi để mở bảo lãnh dự thầu Gói thầu “ Cung cấp dịch vụ cho thuê xe và lái xe phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam”
26	11/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/11/2017	Chấp thuận cam cố Hợp đồng tiền gửi để mở bảo lãnh dự thầu Gói thầu “ Cung cấp nhiên liệu đá vôi cho quá trình chạy thử” Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
27	12/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/12/2017	Họp thường kỳ Quý IV năm 2017

b. Kết quả đạt được:

• **Kết quả hoạt động SXKD:**

Năm 2017, các thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý điều hành. Thống nhất nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc một cách công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Với sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, năm 2017, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	480,00	520,120	108
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,00	7,392	106
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,60	5,479	98
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	4,00	5,582	140
5	Kế hoạch Đầu tư XD CB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	2,43	0	0

Ghi chú. Lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch do chi phí nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vượt kế hoạch.

• Công tác đầu tư:

Theo kế hoạch đầu tư năm 2017 của Công ty được ĐHCĐ thông qua, Công ty có một (01) dự án chuyển tiếp từ năm 2016 đó là “Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý” với tổng mức đầu tư 2,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ xây dựng nên dự án này chưa hoàn thành trong năm 2017, đồng thời dẫn đến kế hoạch vận tải than và kinh doanh đá vôi của Công ty không thực hiện được.

• Công tác quản trị, tái cấu trúc:

Công tác quản lý, quản trị được triển khai quyết liệt, thực hiện rà soát và nâng cấp toàn diện hệ thống quản trị nội bộ doanh nghiệp theo hướng tăng cường tuân thủ, quản trị rủi ro, tăng cường tính minh bạch và thực sự hiệu quả. Do đó, một số vấn đề tồn đọng từng bước được giải quyết dứt điểm (đặc biệt là vấn đề công nợ khó đòi,..), chất lượng công tác kiểm soát phòng ngừa rủi ro được nâng cao giúp hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả.

• Công tác ăn sinh xã hội, chăm lo đời sống, tinh thần cho CBCNV:

Luôn duy trì đoàn kết nội bộ. Luôn quan tâm chăm lo đến đời sống CBCNV. Mặc dù Công ty còn nhiều khó khăn nhưng vẫn luôn động viên, khuyến khích người lao động kịp thời bằng nhiều hình thức.

• Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

- Công tác rà soát xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cần kịp thời hơn nữa để quy chế, quy định thực sự là công cụ hỗ trợ công tác quản trị Công ty.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực đáp ứng tốt nhu cầu công việc.

c. Công tác giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:

- HĐQT thực hiện chức trách của mình thông qua việc tham dự và có ý kiến chi đạo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành Công ty và các cuộc họp khác. Ngoài ra, HĐQT đã theo dõi nắm bắt tình hình SXKD, tình hình quản lý sử dụng nguồn lực của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất của Giám đốc và của các bộ phận quản lý khác, giúp cho hoạt động của Người đại diện phần vốn của các đơn vị tại Công ty có điều kiện thuận lợi thực thi nhiệm vụ của mình. Trong năm 2017, tất cả các ý kiến của BKS đều được HĐQT xem xét cẩn trọng, phát huy mặt tích cực và tìm giải pháp khắc phục tồn tại.

- Năm 2017, HĐQT đánh giá Giám đốc Công ty về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình theo Điều lệ Công ty và theo các quy định hiện hành khác.

2.1. Hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

- 1) Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Lãnh đạo chung, giám sát tất cả các hoạt động trong hệ thống của Công ty, triệu tập, chủ trì các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ.
 - Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để thực hiện, đề trình, đề báo cáo ĐHĐCĐ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên HĐQT chuẩn bị nội dung các cuộc họp của HĐQT.
 - Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định và các nhiệm vụ khác của HĐQT.
 - Thay mặt HĐQT tổ chức, chỉ đạo thực hiện quản lý nguồn vốn, thu xếp tài chính cho các dự án đầu tư.
 - Trực tiếp chỉ đạo, quản lý, giám sát các lĩnh vực: Chiến lược định hướng và phát triển công ty; Kế hoạch SXKD của Công ty; Công tác sắp xếp đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, đào tạo thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; Công tác đầu tư phát triển thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; Công tác đối ngoại; Công tác thi đua, khen thưởng, kỉ luật; Công tác xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ; Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.
- 2) Ông Nguyễn Quang Huy – Ủy viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty.
 - Phụ trách pháp lý, chính sách, là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT về công tác bảo toàn và phát triển vốn.
 - Trực tiếp thực hiện tổ chức, chỉ đạo, điều hành, quản lý các hoạt động SXKD của Công ty theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Báo cáo tình hình hoạt động và kết quả SXKD cho Công ty theo định kỳ hoặc theo yêu cầu.
 - Theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của tổ chức Đảng, Chi hội CCB, Công đoàn, Đoàn thanh niên theo các quy định hiện hành.
 - Tổ chức Thực hiện các Hợp đồng kinh tế.
 - Tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành và Điều lệ Công ty.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 3) Bà Trần Thị Thị Thu Phong – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
 - Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT: Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp; Phát triển các dịch vụ, công việc của PVOil tại Công ty; Công tác phát triển nhân sự, định chế lao động tiền lương; Công tác đào tạo; Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 4) Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
 - Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT: Công tác kế hoạch; Các công việc liên quan đến đầu tư, thu xếp vốn đầu tư; Công tác thu hồi công nợ của Công ty, đối tác,..; Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 5) Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT: Công tác xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD của Công ty; Kế hoạch tài chính phục vụ hoạt động SXKD, đầu tư; Công tác quản trị nội bộ; Phát triển các dịch vụ, công việc của PVT tại Công ty; Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong Công ty; Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018:

Nhận thức được năm 2018 vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, Hội đồng Quản trị Công ty kiên quyết tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành, khắc phục các tồn tại trong năm 2017, tìm giải pháp thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2018 do ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua.
- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Duy trì ổn định, phát triển mở rộng hoạt động cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.
- Phát triển thị trường vận chuyển CNG nhằm trở thành một trong những lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả tốt của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe đầu kéo.
- Nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nguồn hàng, triển khai hiệu quả công tác vận chuyển hàng hóa nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.
- Chủ động tính toán triển khai thực hiện dự án đầu tư bến neo đậu tàu vào cảng các nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tiến độ của nhà máy, hiệu quả của dự án.
- Phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ mới.
- Chỉ đạo tập trung rà soát và nâng cấp toàn diện hệ thống quản trị nội bộ doanh nghiệp theo hướng tăng cường tuân thủ, quản trị rủi ro, tăng cường tính minh bạch và thực sự hiệu quả; tổ chức triển khai các mục tiêu quản trị (như kiểm soát tuân thủ, quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí và tăng cường tính minh bạch...) một cách nghiêm túc và hiệu quả.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí marketing, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động SXKD.
- Chú trọng đến công tác nhân sự, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động

- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Thực hiện và tuân thủ các quy định trong công tác SXKD và quản lý điều hành. Liên tục hoàn thiện các quy trình, quy chế, hệ thống định mức phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.
- Luôn quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông. Duy trì chế độ họp theo quy định của Điều lệ Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH.

1. Khó khăn:

Năm 2017 trong bối cảnh những khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức:

- Các đơn vị tiếp tục thực hiện chủ trương cắt giảm chi phí, ngân sách, dịch vụ, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí quản lý và kiểm soát đầu tư nên cơ hội mở rộng thị trường, phát triển thêm khách hàng đối với các loại hình dịch vụ hoạt động của Công ty bị tác động và gần như không có cơ hội tăng trưởng.

- Vận tải CNG bị cắt giảm sản lượng do PVGas thay đổi cơ chế nội bộ, một số khách hàng của Công ty CNG Việt Nam tạm dừng hoạt động trong thời gian dài để bảo dưỡng nhà máy và sự cố cháy trạm biến áp vào đầu tháng 10/2017 đến cuối tháng 12/2017 mới khắc phục được dẫn đến doanh thu vận tải CNG bị sụt giảm; chi phí cầu đường phát sinh tăng do một số tuyến đường các tỉnh phía Bắc đưa các trạm BOT vào thu phí đã gây những ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải CNG.

- Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ xây dựng dẫn đến kế hoạch vận tải than và kinh doanh đá vôi của Công ty không thực hiện được.

2. Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ trực tiếp từ Tập đoàn Dầu khí, sự chia sẻ ủng hộ của các đơn vị trong ngành như PVEP, PVGAS, BSR, GasD... và các đơn vị thành viên PVTRANS.

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD và các Ban chức năng của PVTRANS đã trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ Công ty Đông Dương về mọi mặt từ công tác tái cấu trúc, tổ chức kinh doanh đến quản trị doanh nghiệp.

- HĐQT Công ty luôn sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành, hỗ trợ Ban lãnh đạo giải quyết những vướng mắc trong hoạt động SXKD.

- Sự phối hợp nhịp nhàng trong điều độ, khai thác phương tiện với PVGasN, CNG Việt Nam đã góp phần tiết giảm được chi phí vận hành, chi phí sửa chữa phương tiện một cách hữu hiệu, đồng thời đảm bảo được an toàn cao nhất cho hoạt động vận chuyển CNG trong năm 2017.

- Hiệu quả của công tác tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã phát huy tác dụng tốt cho sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đội ngũ, cán bộ nhân viên Công ty có trách nhiệm, tâm huyết với công việc; Công ty đã hình thành được văn hóa đoàn kết và quyết tâm cao vượt qua khó khăn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017.

Với sự nỗ lực và đoàn kết nhất trí cao của BCH Đảng bộ, HĐQT, Ban Giám đốc đến từng Cán bộ nhân viên và người lao động trong Công ty, cùng với những giải pháp quyết

liệt, đúng đắn, phù hợp thị trường. Trong năm 2017, Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định các lĩnh vực kinh doanh có lợi thế và đạt hiệu quả cao như vận chuyển CNG, xe vận phòng và tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu SXKD như: Nâng cấp Tổ dự án CNG Thái Bình lên thành Chi nhánh tại Thái Bình (tháng 4/2017), chấm dứt hoạt động của Đội xe bồn LPG do hoạt động kém hiệu quả,..... Công tác quản lý, quản trị trong từng lĩnh vực tiếp tục được duy trì, điều chỉnh để theo kịp với sự phát triển của công ty cũng như kiểm soát được những rủi ro trong SXKD. Việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo và cải thiện. Văn hóa doanh nghiệp được quan tâm và duy trì.

Kết quả thực hiện năm 2017 của PVTrans-PTT cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu	480,000	520,120	108%
2	Lợi nhuận trước thuế	7,000	7,392	106%
3	Nộp ngân sách	4,000	5,582	140%

(Bảng số liệu chi tiết từng lĩnh vực kèm theo)

Đánh giá: Tổng quan hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2017 thực hiện đạt được tất cả các chỉ tiêu về tổng doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước, riêng chỉ tiêu chi tiết về doanh thu từ dịch vụ vận tải than, đá vôi và vận tải CNG không đạt do một số nguyên nhân sau:

- Thời gian hoàn thành đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm dẫn đến kế hoạch vận tải than và kinh doanh đá vôi không thực hiện được.

- Doanh thu vận tải CNG không đạt kế hoạch do sản lượng vận tải bị sụt giảm, nguyên nhân: PVGas thay đổi cơ chế nội bộ, một số khách hàng của Công ty CNG Việt Nam tạm dừng hoạt động trong thời gian dài và sự cố cháy trạm biến áp vào đầu tháng 10/2017 đến cuối tháng 12/2017 mới khắc phục được.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Vận tải sản phẩm khí

❖ Vận tải LPG:

Theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty dự kiến sẽ dừng hoạt động kinh doanh vận tải LPG từ tháng 4/2017, tuy nhiên do yêu cầu từ hoạt động kinh doanh LPG nên trong Quý II/2017 Công ty vẫn hoạt động khai thác 02 xe bồn 15MT và tiếp tục hợp đồng cho thuê mua 05 xe bồn kết thúc vào ngày 31/5/2017. Tuy nhiên hoạt động này không đem lại lợi nhuận do hiệu suất khai thác thấp, doanh thu không đủ bù chi phí kinh doanh. Sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt về chủ trương, Công ty đã dừng kinh doanh hoạt động vận tải LPG từ ngày 01/7/2017 và thực hiện các thủ tục bán thanh lý toàn bộ số xe bồn LPG. Đến tháng 8/2017 Công ty đã hoàn thành công tác bán thanh lý. Doanh thu từ vận tải LPG và cho thuê mua xe bồn LPG 06 tháng đầu năm 2017 đạt 0,618 tỷ đồng, bằng 133% kế hoạch.

❖ Vận tải CNG

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục duy trì các hợp đồng vận chuyển CNG cho các khách hàng của CNG Việt Nam và Gas North.

Hoạt động vận tải CNG trong 3 tháng đầu năm gặp rất nhiều khó khăn do PVGas thay đổi cơ chế nội bộ dẫn đến sản lượng vận tải sụt giảm, một số khách hàng tạm dừng hoạt động trong thời gian dài để bảo dưỡng nhà máy và nghỉ Tết Âm lịch, và số bồn Công ty đầu tư đưa vào khai thác mới chỉ đạt 50% (3 bồn trong tổng số 6 bồn), chi phí cầu đường phát sinh tăng do một số tuyến các tỉnh phía Bắc đưa các trạm BOT vào thu phí đã gây những ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải CNG của Công ty trong Quý I/2017.

Giải pháp cho những khó khăn trên:

- Công ty đã nỗ lực làm việc với PVGas và CNG Việt Nam để tìm kiếm giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các bên. Sau khi PVGas chính thức ban hành cơ chế bán hàng và giao kế hoạch tiêu thụ cho CNG VN, sản lượng vận tải CNG đã được ổn định trở lại, đồng thời đến 10/4/2017 Công ty đã bàn giao 03 bồn còn lại cho CNG VN đưa vào khai thác dài hạn trong khu vực phía Nam và đạt được thỏa thuận với CNG VN về việc tiếp tục đưa 3 bồn đang khai thác tại phía Bắc vào khai thác dài hạn trong khu vực phía Nam từ Quý 3/2017 (do hiệu suất khai thác bồn phía Nam cao hơn) sau khi Công ty kết thúc hợp đồng cung cấp bồn vận chuyển Hydro cho Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Theo đó, hoạt động vận chuyển CNG đã đi vào ổn định, đặc biệt đã giải quyết được khó khăn lớn nhất của Công ty về khai thác hiệu quả 6 bồn đầu tư.

- Sau khi được HĐQT Công ty chấp thuận về chủ trương, Công ty đã triển khai và hoàn thành các thủ tục pháp lý để thành lập Chi nhánh Thái Bình vào tháng 4/2017. Bắt đầu từ tháng 6/2017 Công ty đã được hưởng ưu đãi về chi phí sử dụng đường bộ theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 06/2/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Do sự cố trạm biến áp của nhà máy Phân phối khí Thấp Áp bị cháy từ tháng 10/2017 đến cuối tháng 12/2017 mới khắc phục được dẫn đến sản lượng khí CNG bị sụt giảm mạnh so với kế hoạch.

Kết quả doanh thu năm 2017 của lĩnh vực vận tải CNG đạt 85,732 tỷ đồng (đạt 82% kế hoạch), trong đó doanh thu từ 06 bồn composite là 12,313 tỷ đồng, doanh thu đầu kéo là: 33,156 tỷ đồng, doanh thu từ vệ tinh là 40,263 tỷ đồng.

b) Vận tải khác

❖ Hoạt động cho thuê mua xe văn phòng:

Nguyên nhân không đạt kế hoạch: Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của thị trường taxi, đồng thời do ảnh hưởng của chính sách thuế làm giá xe cũ giảm sâu, hoạt động kinh doanh của đối tác thuê mua xe là Công ty Sinh Thái (Công ty Sông Hương cũ) gặp nhiều khó khăn như doanh thu ca xe thấp, không tuyển dụng được lái xe... Trước tình hình trên, sau rất nhiều lần làm việc với Sinh Thái để tìm giải pháp tháo gỡ nhưng không đạt được kết quả như mong muốn, trong tháng 7/2017 Công ty đã nhận lại 29 xe, đến tháng 10/2017 Công ty tiếp tục nhận lại 33 xe để tiến hành thanh lý thu hồi vốn và đồng thời chuyển nhượng trước thời hạn cho Công ty Sinh Thái 08 xe. Tháng 11/2017 Công ty đã hoàn thành các thủ tục chấm dứt hợp đồng với đơn vị thuê mua và tổ chức bán thanh lý thành công 62 xe còn lại, thu hồi được toàn bộ vốn đầu tư.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê mua xe này trong năm 2017 đạt 2,426 tỷ đồng, bằng 61% kế hoạch.

❖ Vận tải xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội:

Năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe định hạn và xe chuyển với các đơn vị khác trong Tập đoàn, duy trì ổn định hoạt động SXKD,

- Số lượng kinh doanh: Tổng số xe khai thác hiện nay là 35 xe:
- + Xe định hạn: 18 xe, trong đó 13 xe Công ty và 05 xe vệ tinh.
- + Xe chuyển: 17 xe công ty.

- Doanh thu: đạt 105% KH được giao (15,991 tỷ đồng TH/15,238 tỷ KH)

- ❖ *Vận tải xe văn phòng cho thuê tại Hồ Chí Minh:*

Tiếp tục gia hạn được các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe định hạn và xe chuyển với các đơn vị khác trong Tập đoàn, tham gia đấu thầu, chào giá cạnh tranh và ký kết được các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe văn phòng dài hạn như: Tổng Công ty khí (55,2 tỷ/năm, thực hiện từ 01/6/2017), Công ty GasD (13 tỷ/năm, thực hiện từ 01/01/2018).

- Số lượng kinh doanh: Tổng số xe khai thác hiện nay là 99 xe, trong đó 51 xe Công ty đầu tư và 48 xe thuê vệ tinh.

- Doanh thu: đạt 80,567 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch.

- c) Lĩnh vực kinh doanh LPG và thương mại khác:**

- ❖ *Kinh doanh LPG*

Đây là hoạt động có doanh thu cao nhưng lợi nhuận rất thấp và cần vốn lưu động lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro trong thanh toán. Theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt, trong năm 2017 Công ty chỉ duy trì sản lượng LPG bán xe bồn 150 tấn cho 02 khách hàng có bảo lãnh thanh toán. Để đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, Công ty triển khai các hợp đồng mua bán thương mại giao tàu theo phương thức 3 bên, đảm bảo an toàn về công nợ và không phát sinh chi phí vốn.

- Doanh thu: đạt 332,008 tỷ đồng, đạt 143% kế hoạch.

- ❖ *Dịch vụ quảng cáo:*

Trong năm 2017 Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng quảng cáo cho PVGas với doanh thu là 86,4 triệu/tháng. Hợp đồng này kết thúc vào ngày 15/8/2017.

Tổng doanh thu năm 2017 từ hoạt động quảng cáo là 648 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch

3. Công tác tái cấu trúc.

Năm 2017, Công ty tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tái cấu trúc bộ máy tổ chức phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu SXKD:

- Nâng cấp Tổ dự án CNG Thái Bình lên thành Chi nhánh tại Thái Bình (tháng 4/2017);

- Chấm dứt hoạt động của Đội xe bồn LPG do hoạt động kém hiệu quả (từ 01/7/2017).

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy nhân sự: Trong tháng 7 và tháng 8/2017 đã chấm dứt HĐLĐ với 05 lao động gián tiếp tại VP Công ty và Chi nhánh Thái Bình, 02 lao động là lái xe bồn, giải quyết về hưu trước tuổi đối với 01 lao động gián tiếp vào tháng 11/2017.

Việc chấm dứt HĐLĐ và giải quyết chế độ lao động đối với CBCNV và người lao động được Công ty phối hợp chặt chẽ với BCH Công đoàn Công ty, việc tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật lao động và thỏa ước lao động tập thể Công ty.

4. Công tác đầu tư.

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện dự án chuyển tiếp từ năm 2016, dự án “Cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý”. Hiện nay dự án mới thực hiện đến giai đoạn thuê đơn vị lập thiết kế thi công công trình, tìm kiếm đơn vị thẩm tra thiết kế. Tuy nhiên nhận thấy công tác xây dựng của Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ, Công ty đã chủ động chỉ đạo giãn tiến độ triển khai dự án phù hợp tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án.

5. Công tác đào tạo, lao động tiền lương.

- a) Công tác đào tạo:**

Trong năm 2017, Công ty triển khai thực hiện cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ do Tập đoàn, Tổng Công ty và các đơn vị khác tổ chức, kết quả cụ thể như sau:

- Tham gia tập huấn công tác công đoàn: 03 người
- Tập huấn sử dụng hệ thống quản lý thông tin Công ty: 01 người
- Đào tạo an toàn ứng cứu khẩn cấp trong công tác vận chuyển CNG: 25 người
- Đào tạo công tác an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và bàn giao bồn: 08 người.
- Tiếp tục cử 08 cán bộ là Trưởng, Phó các phòng chức năng tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị.

b) Công tác lao động:

Số lao động tại thời điểm 31/12/2017 là 192 người, trong đó:

Khối trực tiếp SXKD:

Lĩnh vực/đơn vị	NV Điều hành	CN Lái xe
- Đội xe Văn phòng cho thuê:	01 người	22 người
- Chi nhánh Thái Bình:	07 người	-
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:	08 người	129 người
- Tổ dự án vận tải than :	01 người	-
Cộng:	17 người	151 người

Phân loại trình độ lao động: Đại học 15 người (8,93%); Cao đẳng/Trung cấp: 02 người (1,19%); Công nhân lái xe 151 người (89,88%).

Khối lao động gián tiếp gồm 24 người.

- Ban Giám đốc: 03 người, gồm GD và 2 PGĐ;
- Trưởng/phó phòng chức năng: 08 người (04 TP + 04 PP);
- Nhân viên văn phòng: 13 người.

Phân loại trình độ lao động: Đại học: 21 người (87,50%); Cao đẳng: 01 người (4,17%); Lái xe/CNKT: 02 người (8,33%).

c) Công tác tiền lương:

Công tác chi trả lương cho CBCNV, người lao động luôn đảm bảo tiến độ trước ngày mùng 10 hàng tháng. Trong năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện công tác đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành công việc định kỳ hàng tháng để làm cơ sở chi trả lương cho khối lao động gián tiếp. Năm 2017, thu nhập bình quân 13,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 9% so với năm 2016 (Chủ yếu ảnh hưởng từ cơ chế thu nhập của khối lái xe tại thành phố HCM).

6. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các đoàn thể.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy cấp trên, Đảng ủy Công ty, các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã có những hoạt động nổi bật, thiết thực. BCH Đảng bộ Công ty đã trực tiếp lãnh đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội CCB tổ chức cho các Đoàn viên nhiệt tình tham gia lao động sản xuất; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể quản chúng kiện toàn công tác tổ chức theo đúng quy định, hướng dẫn của Tổng Công ty và Tập đoàn. Các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ đã thường xuyên tuyên truyền giáo dục tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ đoàn viên thanh niên trong Công ty. Trong năm tại các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ bộ phận Công ty đã bồi dưỡng và triển khai thủ tục kết nạp Đảng cho 04 đối tượng cảm tình Đảng.

Chính quyền cùng các đoàn thể chính trị xã hội tại Công ty luôn nhiệt tình hưởng ứng các hoạt động, chương trình do Tập đoàn, Tổng Công ty, Đảng ủy Công ty phát động: đi làm thêm ngày thứ 7 ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt tại Mường La, tỉnh Sơn La; tổ chức

chương trình an sinh xã hội “Ấm áp mùa đông Cao Bằng”, tổ chức hoạt động tri ân gia đình mẹ Việt Nam anh hùng và thấp hương tại Đài tưởng niệm phụng Dịch Vọng Hậu nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh Liệt sỹ, chương trình an sinh xã hội thăm và tặng quà cho các cháu tại Trung tâm bảo trợ xã hội III....

Đồng thời, Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV (tổ chức dã ngoại tham quan cho CBCNV nữ dịp 20/10, tổ chức và tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 01/6 và Trung thu, thăm hỏi và động viên vật chất lẫn tinh thần cho đoàn viên công đoàn Công ty phẫu thuật mổ dây chằng chân trái và có hoàn cảnh khó khăn,...); Phát động và tổ chức các hoạt động góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động: tổ chức Đại hội Đại biểu Đoàn thanh niên Công ty lần thứ 4 nhiệm kỳ 2017-2020, tổ chức Đại hội Đại biểu Công Đoàn lần thứ 4 nhiệm kỳ 2017-2022, tổ chức Đại hội các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ bộ phận Công ty.

Các phong trào đoàn thể tại Công ty góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2017 Công ty **Đông Dương** đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm được giao. Công tác **tổ chức quản lý**, quản trị trong từng lĩnh vực kinh doanh đã có những điều chỉnh phù hợp, **chuyển biến tích cực** hơn so với những năm trước. Trong đó phải kể đến việc: kinh doanh vận tải CNG an toàn và hiệu quả vượt mức so với FS; thị phần của lĩnh vực cho thuê xe vẫn phòng được gia tăng và ổn định; chính thức chấm dứt hoạt động kinh doanh vận tải LPG không hiệu quả; hoàn thành toàn bộ công tác bán thanh lý số xe taxi cũ; kiểm soát được những rủi ro trong kinh doanh đặc biệt là công nợ, việc làm của người lao động được đảm bảo, thu nhập được cải thiện. Bộ máy quản lý điều hành được kiện toàn, sắp xếp lại theo nguyên tắc tinh giản bộ máy gián tiếp, tiết kiệm chi phí hành chính, nâng cao năng lực sản xuất trực tiếp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, các trường hợp cán bộ lãnh đạo thiếu tinh thần trách nhiệm.

Mặc dù kết quả đạt được còn rất khiêm tốn nhưng đó là sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty Đông Dương, sự quyết tâm, trách nhiệm của Ban lãnh đạo. Kết quả đạt được còn nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty PV Trans, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty. Trước mắt Công ty Đông Dương vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức, rất nhiều những việc phải làm trong năm 2018 và các năm tiếp theo. Tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động trong Công ty tiếp tục đoàn kết phát huy những kết quả đã đạt được và phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

B. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Trên cơ sở nguồn lực tài sản hiện có của Công ty cùng với các vấn đề tồn tại đã được giải quyết, công tác nhân sự được kiện toàn, nguồn lực tài chính tăng dần là những tiền đề để Công ty Đông Dương xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Duy trì ổn định, phát triển mở rộng hoạt động cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.

- Phát triển thị trường vận chuyển CNG nhằm trở thành một trong những lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả tốt của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe đầu kéo.

- Nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nguồn hàng, triển khai hiệu quả công tác vận chuyển hàng hóa nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.

- Chủ động tính toán triển khai thực hiện dự án đầu tư bến neo đậu tàu vào cảng các nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tiến độ của nhà máy, hiệu quả của dự án.

- Phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ mới khi được Tổng Công ty và HĐQT Công ty giao.

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Cải tiến kỹ thuật, tăng cường thực hành tiết kiệm, tổ chức quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí marketing, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động SXKD.

- Chú trọng đến công tác nhân sự, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động

- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn, Tổng Công ty phát động.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 (Phụ biểu chi tiết đính kèm)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	400.000
2	Lợi nhuận trước thuế	nt	10.000
3	Lợi nhuận sau thuế	nt	8.000

4	Nộp Ngân sách Nhà nước	nt	10.700
----------	-------------------------------	-----------	---------------

Trong đó kế hoạch các lĩnh vực kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

a. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG:

- Khai thác tối đa năng lực phương tiện và thiết bị đã đầu tư, cung cấp dịch vụ vận chuyển cho CNG Việt Nam an toàn và hiệu quả với km vận doanh của đầu kéo trên 1,26 triệu km và sản lượng tối thiểu của bồn đạt 30,5 triệu Sm³ khí CNG.

- Sử dụng đơn vị vệ tinh tổ chức cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho PVGasN kịp thời, an toàn và hiệu quả với sản lượng vận chuyển dự kiến trên 20 triệu Sm³.

b. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê:

- Theo kế hoạch, thời điểm đầu năm 2018 số xe tại các thị trường dự kiến như sau:

+ Tại Hà Nội:

Xe cho thuê định hạn: 18 xe, gồm 13 xe Công ty đầu tư và 05 xe vệ tinh.

Đội xe chuyển: 18 xe Công ty đầu tư.

+ Tại TP. Hồ Chí Minh: Xe định hạn: 51 xe Công ty đầu tư và 79 xe vệ tinh.

+ Mở rộng thị trường kinh doanh xe văn phòng: 100 xe theo tiến độ của Dự án Long Sơn trong năm 2018.

c. Kinh doanh cung cấp và vận tải đá vôi :

- Cung cấp cho Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 và 2: Chủ động bám sát tình hình Nhà máy đưa vào hoạt động để đảm bảo trúng thầu các gói thầu cung cấp đá vôi và cung cấp dịch vụ vận chuyển đá vôi cho Nhà máy. Dự kiến sản lượng năm 2018 là 60.000 tấn, bắt đầu khai thác từ tháng 01/2018.

d. Kinh doanh thương mại LPG:

- Sản lượng thương mại LPG giao tàu 15.050 tấn/năm.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2018

a. Dự án chuyển tiếp: Năm 2018 Công ty sẽ tiếp tục thực hiện dự án chuyển tiếp từ năm 2017 “Cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng các NMNĐ Thái Bình trên sông Trà Lý”.

Lĩnh vực	Số lượng	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)			Ghi chú
		Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay	
Cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng các NMNĐ Thái Bình trên sông Trà Lý	01 bến neo đậu	2,300	2,300	0	

b. Dự án chuẩn bị đầu tư: Theo kế hoạch SXKD năm 2018 Công ty Đông Dương sẽ mở rộng thị trường kinh doanh xe văn phòng tại phía Nam, trong đó Công ty dự kiến sẽ đầu tư 50 xe. Chi tiết tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn Công ty sẽ tính toán cụ thể và trình Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt sau khi ký kết các hợp đồng định hạn với khách hàng.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giải pháp trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

a. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG:

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với CNG Việt Nam trong việc tổ chức điều độ, vận chuyển, giao nhận hàng hóa ... đảm bảo tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành của các bên, kiểm soát tốt nhất các nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển.

- Đàm phán với Cty khí hóa lỏng Hà Nội và GasNorth để tiếp tục duy trì vận chuyển khối lượng CNG theo kế hoạch 2018 theo đúng hợp đồng đã ký.
- Kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nhiên liệu; thực hiện công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thường xuyên và định kỳ đúng quy trình.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Sở Giao thông, cơ quan Công an các địa phương nhằm đảm bảo luôn có giải pháp tốt nhất trong việc xử lý các sự cố phát sinh.

b. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê

- Tập trung phát triển mở rộng thị trường xe văn phòng cho thuê tại khu vực phía Nam.
- Bổ sung nhân sự quản lý điều hành phù hợp với số lượng xe kinh doanh để đảm bảo công tác điều độ đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng, nâng cao được chất lượng quản lý dịch vụ.
- Bám sát kế hoạch của các đơn vị trong ngành để thực hiện công tác marketing, phát triển cả số xe định hạn và số lượt xe chuyên. Chủ động xây dựng kế hoạch vận chuyển cho từng khách hàng trong cả năm nhằm mục tiêu ký kết được các hợp đồng vận chuyển trọn gói dài hạn.
- Thực hiện đầu tư phương tiện cho thuê theo nhu cầu của khách hàng và đầu tư để thay thế các xe định hạn đang cho thuê sau nhiều năm khai thác, điều chuyển các xe thay thế phát triển mở rộng dịch vụ xe chuyên.
- Hoàn thiện chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp: Xây dựng đơn giá cạnh tranh, hoàn thiện chất lượng dịch vụ xe văn phòng cho thuê trong cách thức quản lý, điều vận phương tiện và đặc biệt là tác phong phục vụ của lái xe.
- Tăng cường kiểm soát chi phí bảo dưỡng sửa chữa phương tiện, rà soát và điều chỉnh định mức tiêu hao nhiên liệu.

c) Kinh doanh và vận tải đá vôi

- Bám sát tiến độ các Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 và 2, tham gia đấu thầu các gói thầu cung cấp đá vôi và cung cấp dịch vụ vận chuyển đá vôi cho các Nhà máy.

d) Kinh doanh LPG

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát công tác bán hàng, kiểm soát chặt chẽ công nợ khách hàng với mục tiêu đảm bảo an toàn tuyệt đối nguồn vốn kinh doanh.
- Hợp tác chặt chẽ với khách hàng hiện hữu để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh LPG đảm bảo chỉ tiêu về doanh thu của Công ty.

2. Giải pháp trong công tác dự báo, phát triển thị trường.

- Chú trọng thực hiện và phát huy tốt hơn nữa công tác dự báo thị trường, đặc biệt là thị trường kinh doanh thương mại LPG.
- Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng hiện có, chủ động xây dựng các cơ chế mở trong hợp tác kinh doanh để phát triển thêm khách hàng ở các lĩnh vực trên nguyên tắc hài hòa về lợi ích.
- Phối hợp chặt chẽ với PVGasN, CNG Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho khách hàng, tạo các mối liên kết chặt chẽ, đảm bảo cho sự ổn định dài hạn trong hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển CNG.

3. Giải pháp về tổ chức, quản lý.

- Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro trên toàn bộ các lĩnh vực, từ quản lý điều hành đến sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy điều hành phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty ở từng giai đoạn.
- Rà soát, tinh giản nhân sự ở các bộ phận gián tiếp, tổ chức lại bộ máy tại các đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.
- Từng bước tuyển dụng nhân sự mới cho các lĩnh vực mới, bao gồm cả bộ phận gián tiếp và trực tiếp, hoàn thiện các cơ chế quản lý, quản trị, từng bước chuyển đổi mô hình quản lý điều hành như hiện nay sang mô hình khoán quản, tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	480,000	520,120	108%
	Trong đó: - Ngoại tệ	USD			
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	245,900	186,123	76%
1.1	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	104,600	86,350	83%
-	<i>Vận tải LPG + cho thuê mua xe bồn</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>466</i>	<i>618</i>	<i>133%</i>
-	<i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>104,134</i>	<i>85,732</i>	<i>82%</i>
1.2	Vận tải than	Tr.đồng	33,740	-	0%
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi		10,800	790	7%
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	96,760	98,984	102%
-	<i>Hoạt động cho thuê mua xe văn phòng</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>3,996</i>	<i>2,426</i>	<i>61%</i>
-	<i>Xe văn phòng cho thuê tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>15,238</i>	<i>15,991</i>	<i>105%</i>
-	<i>Xe văn phòng cho thuê tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>77,526</i>	<i>80,567</i>	<i>104%</i>
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	232,350	332,656	143%
2.1	<i>Kinh doanh LPG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>231,702</i>	<i>332,008</i>	<i>143%</i>
2.2	<i>DV quảng cáo</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>648</i>	<i>648</i>	<i>100%</i>
3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	700	24	3%
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	-	146	
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	1,050	1,172	112%
6	Các khoản giảm trừ doanh thu	Tr.đồng	-	-	
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	473,000	512,728	108%
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	444,330	494,312	111%
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	211,760	161,943	76%
-	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	93,210	71,729	77%
	+ <i>Vận tải LPG + cho thuê mua xe bồn</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>503</i>	<i>792</i>	<i>158%</i>
	+ <i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>92,707</i>	<i>70,936</i>	<i>77%</i>
-	Vận tải than	Tr.đồng	27,250	-	
-	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	9,600	780	8%
-	Vận tải khác	Tr.đồng	81,700	89,434	109%
	+ <i>Hoạt động cho thuê mua xe văn phòng</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>3,994</i>	<i>2,424</i>	<i>61%</i>
	+ <i>Vận tải xe văn phòng tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>11,800</i>	<i>13,998</i>	<i>119%</i>
	+ <i>Vận tải xe văn phòng tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>65,907</i>	<i>73,011</i>	<i>111%</i>
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	232,060	332,290	143%
-	<i>Kinh doanh LPG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>231,560</i>	<i>331,792</i>	<i>143%</i>
-	<i>DV quảng cáo</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>500</i>	<i>499</i>	<i>100%</i>
1.4	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	510	79	15%
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	7,660	4,878	64%
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	9,870	609	6%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	10,740	11,454	107%
5	Chi phí khác	Tr.đồng	400	1,476	369%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7,000	7,392	106%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5,600	5,479	98%
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	4,000	5,582	140%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018				
			Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	400,000	87,200	95,100	106,300	111,400
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	233,500	45,900	53,700	65,000	68,900
1.1	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	91,200	22,800	22,800	22,800	22,800
-	<i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>91,200</i>	<i>22,800</i>	<i>22,800</i>	<i>22,800</i>	<i>22,800</i>
1.2	Vận tải than	Tr.đồng	-				
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi		13,300	700	700	4,000	7,900
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	129,000	22,400	30,200	38,200	38,200
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>17,200</i>	<i>4,300</i>	<i>4,300</i>	<i>4,300</i>	<i>4,300</i>
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>72,400</i>	<i>18,100</i>	<i>18,100</i>	<i>18,100</i>	<i>18,100</i>
-	<i>Mở rộng thị trường xe vận phòng cho thuê</i>		39,400	-	7,800	15,800	15,800
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	166,500	41,300	41,400	41,300	42,500
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	390,000	86,400	92,900	103,400	107,300
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	371,700	82,100	89,100	98,600	101,900
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	206,600	40,800	47,700	57,300	60,800
-	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	76,000	19,100	18,800	19,200	18,900
	+ <i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>76,000</i>	<i>19,100</i>	<i>18,800</i>	<i>19,200</i>	<i>18,900</i>
-	Vận tải than	Tr.đồng	-				
-	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	12,600	600	600	3,800	7,600
-	Vận tải khác	Tr.đồng	118,000	21,100	28,300	34,300	34,300
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>14,980</i>	<i>3,745</i>	<i>3,745</i>	<i>3,745</i>	<i>3,745</i>
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>67,360</i>	<i>16,840</i>	<i>16,840</i>	<i>16,840</i>	<i>16,840</i>
	+ <i>Mở rộng thị trường xe vận phòng cho thuê</i>		35,660	515	7,715	13,715	13,715
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	165,100	41,300	41,400	41,300	41,100
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	6,000	900	1,000	2,100	2,000
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	12,300	3,400	2,800	2,700	3,400
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10,000	800	2,200	2,900	4,100
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8,000	640	1,760	2,320	3,280
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	10,700	1,960	2,340	3,080	3,320

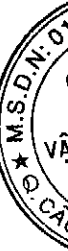
PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018												Ghi chú	
			Tổng cả năm	Quý I			Quý II			Quý III			Quý IV			
				Tổng số quý I	Trong đó		Tổng số quý II	Trong đó		Tổng số quý III	Trong đó		Tổng số quý IV	Trong đó		
					Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác
A	B	C	1=2+5+8+11	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	Tổng cộng (I+II+III)	Tỷ đồng	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	2.300	2.300	-	-	
I	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	2.300	2.300	-	-	
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	2.300	2.300	-	-	
	Cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng các NMNĐ Thái Bình trên sông Trà Lý	Tỷ đồng	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	2.300	2.300	-	-	
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng														
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng														
II	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng														
III	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng														



PHỤ LỤC:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số QĐ/NQ-VTDKDD-ĐHĐCD ngày 20/4/2018)

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT**



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2017

1. Về nhân sự: Ban kiểm soát của Công ty hiện tại gồm 03 thành viên
 - Ông Nguyễn Thế Dân – Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 24/04/2017).
 - Ông Trần Minh Tuấn – KSV (thôi giữ chức Trưởng ban ngày 24/04/3027).
 - Ông Phan Xuân Sơn – KSV (bổ nhiệm ngày 24/04/2017).
 - Ông Nguyễn Quang Nguyên – KSV (miễn nhiệm ngày 24/04/2017).
 - Ông Nguyễn Anh Vũ – KSV (miễn nhiệm ngày 24/04/2017).
2. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2017 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2017 theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
3. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
5. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát: Tổng thù lao của BKS phát sinh trong năm 2017 là 42.000.000 đồng. Trong đó: Ông Nguyễn Thế Dân được nhận 12.000.000 đồng, Ông Trần Minh Tuấn được nhận 14.000.000 đồng; Ông Nguyễn Quang Nguyên được nhận 4.000.000 đồng; Ông Nguyễn Anh Vũ được nhận 4.000.000 đồng và Ông Phan Xuân Sơn được nhận 8.000.000 đồng; Về chi phí hoạt động và những lợi ích khác thì không phát sinh.
 - Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty. Các thành viên đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và cũng thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

- Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2017.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát

1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

- Ban Kiểm soát đánh giá cao việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam làm công ty kiểm toán. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

- Các chỉ số về tài chính đều đạt mức an toàn, tuy nhiên cần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng đồng vốn của Công ty.

- Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty liên quan. Những số liệu chính về tình hình tài chính hợp nhất đến 31/12/2017:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	31/12/2017	So với 31/12/2016
I. Tổng tài sản	187,1	69,94%
1. Tài sản ngắn hạn	71,6	64,38%
2. Tài sản dài hạn	115,5	73,89%
II. Tổng nguồn vốn	187,1	69,94%
1. Nợ phải trả	80,5	48,38%
2. Vốn chủ sở hữu	106,5	105,34%

Với số liệu như trên, BKS có nhận xét như sau:

- Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 187,1 tỷ đồng, giảm 30% (tương đương giảm 80,4 tỷ đồng) so với năm 2016, nguyên nhân giảm chủ yếu do giảm các khoản nợ vay của Công ty.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 106,5 tỷ đồng, tăng 5,34% (tương đương tăng 5,4 tỷ đồng) so với năm 2016, nguyên nhân tăng chủ yếu là do được bổ sung từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017.

2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Các loại hình hoạt động SXKD của Công ty đều có hiệu quả, tuy nhiên vẫn có loại hình kinh doanh có hiệu quả thấp so với kỳ vọng.
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty:

- Công ty đã có nhiều cố gắng trong hoạt động SXKD, kết quả đạt được khá tốt, thực hiện đều đạt so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ/ HĐQT yêu cầu.
- Công tác điều hành, quản lý, quản trị được thực hiện tương đối tốt, có cải tiến nhằm điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình SXKD của Công ty.
- Công tác lao động, nhân sự được Công ty quản lý tốt, ít biến động và ổn định, thu nhập của Người lao động tăng so với năm 2016.

4. Về giám sát công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng Quản trị:

- HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- HĐQT đã thực hiện hợp lệ các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu về mặt tài chính mà ĐHĐCĐ đã giao trong năm 2017. Các nhiệm vụ khác đều đã hoàn thành.
- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

b. Ban Điều hành

- Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.
- Báo cáo của Ban Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017. Các quyết định trong điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc đều phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ cũng như các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động giám sát HĐQT & Ban điều hành

- Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định hiện hành.
- Ban Kiểm soát Công ty cũng đã có nhiều đóng góp, hỗ trợ cho HĐQT và Ban điều hành Công ty trong việc kiểm soát rủi ro cũng như trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của Tổng Công ty.

6. Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cổ đông:

- Trong năm 2017, sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được thực hiện tốt.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như các Phòng ban chuyên môn của Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ rất nhiều cho Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

III. Kết luận và kiến nghị

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM.

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành một số vấn đề như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm ngành kinh doanh hiện có;
- Công ty cần có định hướng và biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả của một số loại hình kinh doanh có hiệu quả thấp. Kiểm soát chặt công nợ nhất là công nợ thương mại. Tìm biện pháp để kinh doanh an toàn và nâng cao thêm hiệu quả sử dụng đồng vốn nhân rồi, nhằm mục đích không ngừng bổ sung thêm lợi ích cho cổ đông.
- Tập trung phát triển dự án chiến lược, dài hạn về vận tải tại các thị trường trong nước, cũng như mở rộng hơn nữa sang những thị trường tiềm năng khác;
- Có chiến lược đầu tư phương tiện vận tải kịp thời, thích hợp, đồng thời thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới;
- Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

IV. Kế hoạch và phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu năm 2018, Ban Kiểm soát phấn đấu thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty quy định như sau:

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất của Công ty và các Chi nhánh thông qua hoạt động của Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty, kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của Ban Kiểm soát;
- Thực hiện giám sát Công ty một cách thường xuyên theo chế độ kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất;
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, soát xét Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm;
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích cổ đông;
- Tiếp tục bám sát và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của BKS theo Luật định. Triển khai giám sát công tác đầu tư, chi phí hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định và mang lại hiệu quả;
- Rà soát số liệu BCTC để đảm bảo báo cáo mang tính minh bạch và khách quan. Giám sát tình hình tài chính, vốn kinh doanh và tình hình gia tăng đồng vốn của Công ty;
- Tư vấn cho Hội đồng Quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty;
- Nắm bắt các cơ chế, chính sách đã ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao nhất, không ngừng nâng cao hơn nữa lợi ích chính đáng của Cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

011250
CÔNG
H NHIỆM
ELOIT
TỆ N
G ĐA - T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Phương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2017)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)
Bà Vũ Thị Phương Nga	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Chấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Số: 576 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.594.116.340	111.208.451.525
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.291.499.140	7.953.872.325
1. Tiền	111		9.291.499.140	7.953.872.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		580.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	580.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.887.894.811	85.357.583.880
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	51.387.202.692	78.795.177.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		208.672.630	3.745.718.349
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.161.705.571	3.914.254.964
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.617.317.632)	(1.845.198.213)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		747.631.550	747.631.550
IV. Hàng tồn kho	140	9	540.382.476	2.294.521.649
1. Hàng tồn kho	141		1.348.061.642	3.102.200.815
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(807.679.166)	(807.679.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.294.339.913	10.602.473.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.141.842.600	2.746.141.970
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.131.756.547	7.856.331.701
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	20.740.766	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.510.031.991	156.329.160.701
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.453.387.500	1.100.287.500
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.453.387.500	1.100.287.500
II. Tài sản cố định	220		113.734.019.454	154.579.182.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	113.734.019.454	154.579.182.649
- Nguyên giá	222		159.401.868.396	212.323.344.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.667.848.942)	(57.744.161.477)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.000.000)	(51.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.325.000	202.325.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	202.325.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		120.300.037	447.365.552
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	120.300.037	447.365.552
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		187.104.148.331	267.537.612.226

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

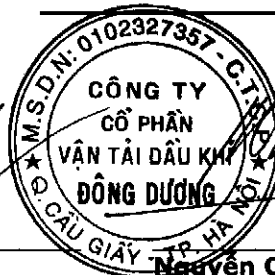
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.546.119.166	166.458.469.579
I. Nợ ngắn hạn	310		47.885.348.463	98.631.017.326
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	29.503.510.548	72.352.832.292
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.372.836	29.192.353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	3.004.591.417	424.284.240
4. Phải trả người lao động	314		2.171.072.137	3.214.133.742
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.330.089.093	1.712.103.174
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		836.500.000	1.432.660.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.843.424.178	1.475.511.343
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	6.313.050.360	16.652.450.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	1.830.737.894	1.337.850.182
II. Nợ dài hạn	330		32.660.770.703	67.827.452.253
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	2.352.083.653	4.268.483.653
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	30.308.687.050	63.558.968.600
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.558.029.165	101.079.142.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	106.558.029.165	101.079.142.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.558.029.165	1.079.142.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.079.142.647	(2.468.582.370)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.478.886.518	3.547.725.017
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		187.104.148.331	267.537.612.226

Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Đoàn Văn Chiến
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy
 Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	518.802.857.455		545.810.671.074	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	518.802.857.455		545.810.671.074	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	494.311.589.549		527.170.536.376	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.491.267.906		18.640.134.698	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		145.589.475		1.394.975.853	
7. Chi phí tài chính	22		4.878.223.166		1.327.809.790	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.878.223.166		1.327.809.790	
8. Chi phí bán hàng	25	22	608.512.344		2.369.292.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	11.453.795.759		9.892.199.101	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.696.326.112		6.445.809.660	
11. Thu nhập khác	31	23	1.171.774.073		508.764.080	
12. Chi phí khác	32	24	1.476.268.525		2.199.091.204	
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(304.494.452)		(1.690.327.124)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.391.831.660		4.755.482.536	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	1.912.945.142		1.207.757.519	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.478.886.518		3.547.725.017	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	548		355	


Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Doãn Văn Chiến
Kế toán trưởngNguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

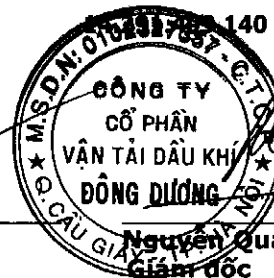
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.391.831.660	4.755.482.536
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.685.356.836	16.832.174.925
Các khoản dự phòng	03	265.007.131	(111.741.310)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(945.658.219)	(434.026.390)
Chi phí lãi vay	06	4.878.223.166	1.327.809.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.274.760.574	22.369.699.551
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36.552.664.232	(43.467.057.827)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.754.139.173	(465.166.605)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(41.423.364.594)	34.225.501.601
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	931.364.885	(966.537.435)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.878.223.166)	(1.327.809.790)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.545.601.119)	(1.120.528.546)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.011.600.000	2.872.623.995
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.400.000.000)	(2.816.793.174)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.277.339.985	9.303.931.770
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(115.033.709.130)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	14.116.738.739	11.971.516.445
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(580.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	113.229.281	1.420.342.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.649.968.020	(106.641.850.165)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	79.128.718.600
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.589.681.190)	(9.507.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.589.681.190)	69.621.418.600
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	6.337.626.815	(27.716.499.795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.953.872.325	35.670.372.120
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	14.291.499.140	7.953.872.325


 Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu


 Đoàn Văn Chiến
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Quang Huy
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 192 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 195 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
Máy móc và thiết bị	Số năm 4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	120.279.999	404.466.497
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.171.219.141	7.549.405.828
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
	14.291.499.140	7.953.872.325

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng kỳ hạn 5 tháng, lãi suất 5,2%/năm với số tiền là 430.000.000 VND và khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng kỳ hạn 4 tháng, lãi suất 5,3%/năm với số tiền là 150.000.000 VND.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.599.964.288	58.759.139.701
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dầu Khí An Dương	16.595.640.600	-
Công ty TNHH Sellan gas	9.222.762.613	-
Công ty TNHH thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Duy Vũ	712.600.000	-
Công ty TNHH MTV Gas Venus	-	52.743.933.960
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang	-	821.275.436
Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	-	636.559.994
Công ty Cổ phần Việt Xô Gas	882.711.614	47.445.774
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàn Kiếm	-	13.908.001
Đối tượng khác	5.186.249.461	4.496.016.536
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 28)	18.787.238.404	20.036.037.529
	51.387.202.692	78.795.177.230

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn:	2.161.705.571	3.914.254.964
Tạm ứng	987.331.093	1.250.078.815
Khác	1.174.374.478	2.664.176.149
b. Dài hạn:	1.453.387.500	1.100.287.500
Ký cược, ký quỹ	1.453.387.500	1.100.287.500
	3.615.093.071	5.014.542.464

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng đã trích	Giá gốc	Dự phòng đã trích
	VND	VND	VND	VND
Công nợ phát sinh trên 3 năm	1.617.317.362	1.617.317.632	1.845.198.213	1.845.198.213
- Phải thu khách hàng	572.480.598	572.480.598	840.248.789	840.248.789
- Tạm ứng cho nhân viên	-	-	49.186.382	49.186.382
- Phải thu ngắn hạn khác	935.816.165	935.816.435	846.742.443	846.742.443
- Trả trước cho nhà cung cấp	109.020.599	109.020.599	109.020.599	109.020.599

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.284.473.586	807.679.166	1.294.217.264	807.679.166
Hàng hoá	63.588.056	-	1.807.983.551	-
Cộng	1.348.061.642	807.679.166	3.102.200.815	807.679.166

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.141.842.600	2.746.141.970
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.141.842.600	2.746.141.970
b) Dài hạn	120.300.037	447.365.552
- Dịch vụ thuê xe bồn LPG	-	71.404.126
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	120.300.037	375.961.426
	2.262.142.637	3.193.507.522

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	3.162.296.301	209.089.806.461	71.241.364	212.323.344.126
Thanh lý trong năm	-	(53.078.339.366)	-	(53.078.339.366)
Khác		156.863.636		156.863.636
Số dư cuối năm	3.162.296.301	156.168.330.731	71.241.364	159.401.868.396
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.661.427.488	55.011.492.625	71.241.364	57.744.161.477
Trích khấu hao trong năm	313.406.160	27.371.950.676	-	27.685.356.836
Thanh lý trong năm	-	(39.761.669.371)	-	(39.761.669.371)
Số dư cuối năm	2.974.833.648	42.621.773.930	71.241.364	45.667.848.942
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	500.868.813	154.078.313.836	-	154.579.182.649
Tại ngày cuối năm	187.462.653	113.546.556.801	-	113.734.019.454

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 62.683.186.800 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 111.718.525.995 VND) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.391.980.941 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.442.980.941 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	21.481.508.086	21.481.508.086	59.111.331.102	59.111.331.102
Công ty TNHH Sellan gas	-	-	52.562.433.960	52.562.433.960
Công ty TNHH Tú An	16.595.640.600	16.595.640.600	-	-
Các đối tượng khác	4.885.867.486	4.885.867.486	6.548.897.142	6.548.897.142
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 28)	8.022.002.462	8.022.002.462	13.241.501.190	13.241.501.190
	29.503.510.548	29.503.510.548	72.352.832.292	72.352.832.292

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			Số cuối năm VND
	Số đầu năm VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	20.740.766	-	20.740.766
Thuế GTGT đầu ra	-	20.740.766	-	20.740.766
Cộng	-	20.740.766	-	20.740.766
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.489.614.403	1.296.150.329	2.193.464.074
- Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	-	3.489.614.403	1.296.150.329	2.193.464.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	334.549.572	1.912.945.142	1.545.601.119	701.893.595
Các loại thuế khác	89.734.668	179.131.024	159.631.944	109.233.748
Thuế thu nhập cá nhân	89.734.668	174.131.024	154.631.944	109.233.748
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	424.284.240	5.581.690.569	3.001.383.392	3.004.591.417

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	16.652.450.000	16.652.450.000	12.089.172.550	22.428.572.190	6.313.050.360	6.313.050.360
Cộng	16.652.450.000	16.652.450.000	12.089.172.550	22.428.572.190	6.313.050.360	6.313.050.360

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm chi phí trích trước sửa chữa lớn cho dự án CNG ở Thái Bình, sửa chữa xe bồn LPG và xe cho thuê dịch vụ.

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe và khách hàng thuê xe.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	80.211.418.600	80.211.418.600	-	43.589.681.190	36.621.737.410	36.621.737.410
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	44.718.550.000	44.718.550.000	-	30.718.550.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- HĐ số 1502LAV201600787 ký ngày 14/12/2016 (i)	25.991.630.000	25.991.630.000	-	11.991.630.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- HĐ số 1502LAV201500527 ký ngày 03/8/2015	9.150.000.000	9.150.000.000	-	9.150.000.000	-	-
- HĐ số 1502LAV201600532 ký ngày 14/9/2016	1.278.700.000	1.278.700.000	-	1.278.700.000	-	-
- HĐ số 1502LAV201600749 ký ngày 14/12/2016	8.298.220.000	8.298.220.000	-	8.298.220.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội (ii)	35.492.868.600	35.492.868.600	-	12.871.131.190	22.621.737.410	22.621.737.410
Cộng	80.211.418.600	80.211.418.600	-	43.589.681.190	36.621.737.410	36.621.737.410

(i) Các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 12 năm 2016 để thanh toán tiền mua ô tô các loại. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (không có ân hạn). Các khoản vay sẽ được trả đều 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 8,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên và lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả sau của Agribank Hoàn Kiếm cộng 2,5% đến 3%/năm, trả nợ lãi hàng tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm 40 xe ô tô các loại có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 18.764.221.848 VND.

(ii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho mục đích thanh toán thư tín dụng cho hợp đồng mua bồn từ công ty Xperion Energy & Environment GmbH. Hợp đồng vay có hạn mức là 1.428.000 EUR, thời hạn giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 7,9%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 1,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 06 bồn Composite CNG có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 43.918.964.952 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	6.313.050.360	16.652.450.000
Trong năm thứ hai	9.916.398.360	17.523.962.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	20.392.288.690	46.035.006.600
	36.621.737.410	80.211.418.600
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	6.313.050.360	16.652.450.000
Số phải trả sau 12 tháng	30.308.687.050	63.558.968.600

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> VND	<u>(Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	(2.468.582.370)	97.531.417.630
Lợi nhuận trong năm	-	3.547.725.017	3.547.725.017
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	1.079.142.647	101.079.142.647
Lợi nhuận trong năm	-	5.478.886.518	5.478.886.518
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	6.558.029.165	106.558.029.165

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu
Tổng Công ty Cổ phần Vận tài Dầu khí	38.670.000.000	38,67	48.670.000.000	4.867.000	48.670.000.000	4.867.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	10.002.000.000	10,00	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	10.000.000.000	1.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	-	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Các cổ đông khác	11.328.000.000	11,33	31.330.000.000	3.133.000	21.330.000.000	2.133.000
	100.000.000.000	100	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.802.857.455	545.810.671.074
Doanh thu bán hàng	332.008.209.898	409.701.680.555
Doanh thu cung cấp dịch vụ	186.794.647.557	136.108.990.519
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 28)</i>	<i>111.642.681.304</i>	<i>295.759.993.054</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.802.857.455	545.810.671.074

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	331.791.751.136	410.108.532.755
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	162.519.838.413	117.062.003.621
	494.311.589.549	527.170.536.376

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.927.375.259	8.874.140.107
Chi phí nhân công	32.822.700.399	20.944.020.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.277.049.072	16.146.736.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.293.240.988	76.316.675.121
Chi phí khác bằng tiền	27.260.746.455	7.829.945.636
	174.581.112.173	130.111.517.316

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	11.453.795.759	9.892.199.101
Chi phí nhân công	5.434.597.054	4.136.035.580
Chi phí vật liệu quản lý	532.634.972	739.414.992
Chi phí đồ dùng văn phòng	58.603.050	41.597.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.776.566	101.698.885
Chi phí thuế, phí và lệ phí	94.766.620	112.737.091
Chi phí dự phòng	542.017.784	238.352.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.524.742.721	3.047.704.358
Chi phí khác bằng tiền	1.107.656.992	1.474.658.418
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	608.512.344	2.369.292.000
Chi phí phát triển thị trường	608.512.344	838.000.000
Chi phí mua ngoài	-	1.531.292.000

23. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	800.068.744	-
Thu nhập khác	371.705.329	508.764.080
	1.171.774.073	508.764.080

24. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	960.949.462
Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	1.347.057.764	-
Chi phí khác	129.210.761	1.238.141.742
	1.476.268.525	2.199.091.204

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	7.391.831.660	4.755.482.536
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	2.172.894.050	1.283.305.057
<i>Cộng: Chi phí không hợp lệ</i>	2.172.894.050	1.283.305.057
Thu nhập chịu thuế	9.564.725.710	6.038.787.593
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.912.945.142	1.207.757.519
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.912.945.142	1.207.757.519

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.478.886.518	3.547.725.017
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	548	355

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	18.530.150.000	10.250.342.763

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	10.252.500.000	11.137.021.667
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.174.980.000	8.848.600.000
	17.427.480.000	19.985.621.667

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trong năm và số dư chủ yếu tại ngày kết thúc năm bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Tổng Công ty
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
3	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	Cùng Tập đoàn
6	Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
7	Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
8	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Cùng Tập đoàn
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
12	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
14	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
15	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
18	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
19	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.642.681.304	295.759.993.054
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	148.340.943.829
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	38.743.465.261	42.589.221.051
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	35.440.759.533	33.210.167.692
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	15.035.259.259	26.813.397.008
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	-	25.369.222.224
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	866.238.412	7.042.493.500
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	2.762.722.000	2.973.738.000
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.498.933.273	2.429.545.452
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	2.772.433.010	1.831.182.412
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	1.796.167.400	1.303.610.620
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.412.550.834	1.267.500.632
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	5.444.619.520	1.162.200.000
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.630.886.841	985.404.375
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Hà Nội	-	225.269.889
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.238.645.961	216.096.370
Mua hàng hóa và dịch vụ	121.545.640.004	325.526.507.826
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	174.780.152.143
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	50.330.071.653	52.819.588.525
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	-	43.491.952.066
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	38.368.265.673	41.501.967.837
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	7.783.350.390	6.682.085.708
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	24.131.688.670	5.035.488.543
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	932.263.618	747.878.273
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Hà Nội	-	467.394.731

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.684.505.834	1.307.123.074

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu	18.787.238.404	20.036.037.529
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.871.637.492	7.816.775.419
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	8.583.862.165	4.353.613.215
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	2.825.908.206	3.061.373.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	2.590.025.464
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	242.770.000	1.026.493.045
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	504.260.185	379.358.788
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	2.248.414.158	296.472.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	290.386.198	291.926.198
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	220.000.000	220.000.000
Phải trả	8.022.002.462	13.241.501.190
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	3.794.200.846	5.520.686.267
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.507.447.546	4.091.845.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	1.979.188.899
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	720.354.070	838.464.010
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	811.316.119
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	-	-

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Doãn Văn Chiến
Kế toán trưởng
Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 05:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKDD-ĐHĐCD ngày 20/4/2018)

BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LÃO NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LÃO NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.



BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.

1. Báo cáo thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2017:

Kế hoạch Thù lao HĐQT và BKS năm 2017 đã được phê duyệt: 174.000.000 đồng
(Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).

- Thù lao đã chi cho HĐQT và BKS năm 2017:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/tháng
 - Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng (số lượng 03 người, do không chi thù lao cho Giám đốc Công ty kiêm Ủy viên HĐQT).
 - Trưởng Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng
 - Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng (02 người)
- Tổng cộng năm 2017:** 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2018:

- Đối với các chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm, Trưởng ban Kiểm soát kiêm nhiệm và Kiểm soát viên kiêm nhiệm:
 - + Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/tháng
 - + Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng
 - + Trưởng Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng
 - + Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng
- Tổng quỹ thù lao năm 2018:** 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).
- Đối với các chức danh Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên chuyên trách sẽ do Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương trả theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 48/Q-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 20/4/2018)

Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương năm 2018



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ:.....	4
CHƯƠNG II:	5
TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. 5	
Điều 2. Tên, Người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
CHƯƠNG III	5
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
CHƯƠNG IV	7
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
CHƯƠNG V	8
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	8
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty	8
CHƯƠNG VI	9
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	9
Điều 10. Quyền của cổ đồng.....	9
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đồng.....	10
Điều 12. Đại hội đồng cổ đồng	10
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đồng	12
Điều 14. Đại diện theo uỷ quyền.....	13
Điều 15. Thay đổi các quyền	14
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đồng.....	15
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng.....	16
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng.....	17
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đồng.....	19

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
CHƯƠNG VII.....	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 23. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:	23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	24
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	25
Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	27
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	28
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	28
Điều 29. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị	31
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	31
CHƯƠNG VIII.....	32
GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	32
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 32. Người điều hành Công ty	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	33
CHƯƠNG IX.....	34
BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	34
Điều 35. Kiểm soát viên	34
Điều 36. Ban Kiểm soát.....	36
CHƯƠNG X.....	37
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	37
Điều 37. Trách nhiệm căn trọng.....	37
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
CHƯƠNG XI.....	39
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	39
CHƯƠNG XII.....	40
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn.....	40

CHƯƠNG XIII	40
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG XIV	41
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH	41
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 44. Năm tài chính.....	41
Điều 45. Chế độ Kế toán	41
CHƯƠNG XV	41
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM	41
CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	41
Điều 47. Báo cáo thường niên	42
CHƯƠNG XVI	42
KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 48. Kiểm toán	42
CHƯƠNG XVII	43
CON DẤU	43
Điều 49. Con dấu.....	43
CHƯƠNG XVIII	43
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	43
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	43
Điều 51. Thanh lý.....	43
CHƯƠNG XIX	44
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
CHƯƠNG XX	44
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	44
CHƯƠNG XXI	45
NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tổ chức chính thức vào ngày 20 tháng 4 năm 2018.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ:

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - c. “Luật chứng khoán” là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu.
 - e. “Người điều hành Công ty” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ này.
 - f. “Người quản lý khác” là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty
 - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
 - h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - i. Cổ đông của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.
 - k. “Việt Nam” là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II:**TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

Điều 2. Tên, Người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: PVTRANS-PTT

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84-24) 35563031/32

- Fax: (84-24) 35563033

- E-mail: petrotrans@fpt.vn

- Website: <http://pvtrans-ptt.vn>

4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể Công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau: vận chuyển hành khách theo hợp đồng; vận chuyển hành khách theo tuyến cố định; vận tải hàng hoá xăng, dầu, gas.

- Cho thuê xe tự lái.

- Buôn bán xăng, dầu, khí hoá lỏng.

- Dịch vụ bến đỗ xe, trạm dừng xe.
- Lữ hành nội địa và quốc tế.
- Sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
- Kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas; chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt.
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng xe taxi.
- Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản.
- Dịch vụ quảng cáo, quản lý, đấu giá và tư vấn về bất động sản (không bao gồm hoạt động về tư vấn giá đất).
- Mua bán phân bón hoá học, phân vi sinh
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ Quảng cáo thương mại.
- Kinh doanh, buôn bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: Các loại hạt nhựa Polypropylene (PP), Polyethylene (PE); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm, đồ lưu niệm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí”.
- Mua bán khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác.
- Mua bán than.
- Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển khí CNG.
- Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển than.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ và đường thủy.
- Cung ứng lao động tạm thời (Chi tiết: Cho thuê lại lao động) và Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Thu lợi nhuận tối đa, tăng giá trị doanh nghiệp;
- Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông;
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;

- Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước;

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần (*Mười triệu cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 10.000.000 cổ phần phổ thông (*Mười triệu cổ phần*). Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp
3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do ~~chuyển nhượng~~ **chuyển nhượng** cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc/và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

- c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- d. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ

- tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Công ty có thể mời đại diện Công ty Kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

- k. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - l. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - n. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật;
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho Luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ **thẩm quyền** của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này **sẽ không áp dụng trong trường hợp** Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan

đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các loại cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các

cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại cuộc họp theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách **đánh dấu theo hướng dẫn** của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.Người triệu tập họp **Đại hội đồng cổ đông** có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;Thông báo về việc tổ chức họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của cuộc họp.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định;

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử

phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến để thông qua nghị quyết ;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90%

được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến

ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá năm (5) công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người điều hành Công ty;

- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định chào **giá bán cổ phiếu**, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác nếu có;
3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty;
 - c. Thành lập Công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.
 - d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1 Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

- phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
- e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - g. Việc mua lại hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các tài sản phi tiền tệ khác;
 - i. Việc mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường

của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty;

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban Kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;

- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2, Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai (02) trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất (01). Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng

phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của một thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên

quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị

Điều 29. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị

Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn

nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để Công ty đạt được các mục tiêu đã đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tiền thù lao, tiền lương, lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các **hợp đồng tài chính** và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị, thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

- f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Công ty.
 - h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ Công ty;
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Người điều hành Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ các trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

- a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;
- c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;
- d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính

- và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
 4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội

đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó,

những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (1) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai (12) cùng năm.

Điều 45. Chế độ Kế toán

1. Chế độ Kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, Công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế,

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.
 3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu (6) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.
 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c. Các trường hợp theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của Người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;

- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) cho đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác và Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay Người điều hành Công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án Kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương nhất trí thông qua ngàytháng.....năm.... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại **diện theo pháp** luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**
(Ban hành kèm Nghị quyết số 01/NQ-VTDKDD-DHDCĐ ngày 20/4/2018)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng dựa trên Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Quản trị Công ty:** là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;

- **Luật Doanh nghiệp:** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

- **Luật chứng khoán:** là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức được quy định tại “Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp” và “Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán”;

- **Người điều hành Công ty:** là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

- **Người quản lý khác:** là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- **Cổ đông của Công ty:** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

- **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

- **Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành:** Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về Quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

**CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Công ty công bố.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu

1. Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng cổ đông một (01) Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

2. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 7. Nguyên tắc và cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

2. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

3. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

4. Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

5. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Cách thức kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

1. Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
2. Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
3. Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
4. Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;

5. Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 9. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

2. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT và BKS, Danh sách trúng cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

Điều 10. Nội dung biểu quyết được thông qua

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông/đại diện ủy quyền và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của các cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác

của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông/người được ủy quyền đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được lập và công bố cùng thời điểm với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Yêu cầu hủy bỏ quyết định Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ Công ty.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÁI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Ứng cử, đề cử người thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác nhưng không quá 05 (năm) công ty khác;
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty;
 - e. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là Người điều hành của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

f. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định lựa chọn cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo một trong hai phương thức nêu trên. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế bầu cử. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những

bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Thông báo họp, điều kiện họp, cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản

trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22. Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên

bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị tới các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 23. Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 và Điều 18 Quy chế này về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
5. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
6. Kiểm soát viên Công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia ý kiến của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 27. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Các tiểu ban, cơ cấu, tiêu chuẩn, trách nhiệm thành viên và trưởng tiểu ban

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ

nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên cũng như Trưởng tiểu ban.

CHƯƠNG VII GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm miễn cưỡng để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị **quyết định và hợp đồng** với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điều 65 và điều 157 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp được được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 33. Trách nhiệm ban hành các quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty để xây dựng ban hành các Quy chế, quy định cụ thể về hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty trong các công tác quản lý, kiểm tra giám sát, quản trị điều hành Công ty.

Điều 34. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

1. Các thủ tục, trình tự họp tương tự như quy định tại Điều 21 Quy chế này.
2. Người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 35. Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 36. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Giám đốc Công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề cụ thể như sau:

1. Báo cáo Hội đồng quản trị Công ty:
 - a. Định kỳ báo cáo Hội đồng Quản trị Công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;
 - b. Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:

a. Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b. Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc Công ty theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Công ty;

c. Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty;

d. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

e. Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc

Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 38. Cách thức Giám đốc cung cấp thông tin và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Giám đốc và Người điều hành Công ty phải báo cáo, cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát, hoặc các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc gửi báo cáo, cung cấp thông tin và tài liệu nêu trên phải đảm bảo đến đúng địa chỉ đã được thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên đăng ký với Công hoặc theo địa chỉ được yêu cầu.

Điều 39. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 40. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật

Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc

đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành của Công ty.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 41. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty **phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:**

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bỏ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Việc thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật./.



Số: 01 /BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0102327357, đăng ký lần đầu: ngày 25/07/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 13: ngày 01/6/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Thời gian họp đại hội đồng cổ đông: 08h30 ngày 20/4/2018

Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông: Phòng hội nghị tầng 5, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI:

I. Thành phần tham dự và tính pháp lý của Đại hội:

1. Chủ tọa Đại hội:

Theo quy định của Điều lệ Công ty, ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành Đại hội.

2. Cổ đông tham dự:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thanh Bình – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự đại hội: tại thời điểm 08 giờ 30 phút ngày 20/4/2018 có tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội là 12 cổ đông (trong đó cổ đông tham dự trực tiếp là 03 cổ đông, tham dự thông qua ủy quyền là 09 cổ đông) đại diện cho 8.929.320 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 89,2932 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 03/4/2018 (chi tiết Báo cáo đính kèm).

3. Căn cứ Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: “ Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết”. Như vậy, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

4. Tham dự Đại hội còn có các vị khách quý là đại diện đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam) và cán bộ nhân viên Công ty.

II. DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CUỘC HỌP:

A. Khai mạc và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký, Tổ Kiểm phiếu và quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết và chương trình đại hội:



1. Ban tổ chức Đại hội đã tiến hành khai mạc Đại hội.
 2. Ban tổ chức thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Tổ Kiểm phiếu.
 - **Đoàn Chủ tịch gồm:**
 - + Ông Phạm Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội.
 - + Ông Nguyễn Quang Huy - Giám đốc - Thành viên.
 - **Tổ Thư ký gồm:**
 - + Bà Đỗ Lan Phương - Phó phòng TCHC, Thư ký Công ty - Tổ trưởng
 - + Ông Hoàng Anh Đức - Phó phòng Kinh doanh - Tổ viên
 - **Tổ Kiểm phiếu gồm:**
 - + Ông Nguyễn Thành Cường - Trưởng phòng Kinh doanh - Tổ trưởng
 - + Ông Nguyễn Huy Bình - Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư - Tổ viên
 - + Bà Nguyễn Thị Tình - Phó phòng Kinh doanh - Tổ viên
 - + Bà Nguyễn Thanh Hiền - Nhân viên phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư - Tổ viên
 - + Bà Nguyễn Thị Vân Hạnh - Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch - Tổ viên
- Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ thư ký và Tổ Kiểm phiếu.
- Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
3. Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua Nội dung chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- B. Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại đại hội:**
- Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết để thông qua các nội dung như sau:
1. Báo cáo hoạt động năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị (*Phụ lục 01*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 2. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD năm 2018 của Giám đốc (*Phụ lục 02*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 3. Báo cáo hoạt động năm 2017 và Kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát (*Phụ lục 03*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 4. Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (*Phụ lục 04*):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 5. Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	480,00	520,12	108%
2	Lợi nhuận trước thuế	7,00	7,39	106%
3	Lợi nhuận sau thuế	5,60	5,48	98%
4	Nộp ngân sách nhà nước	4,00	5,58	140%
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	2,43	0	0%

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

6. Phương án phân bổ lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 theo BCTC đã được kiểm toán	6.558.029.165
1.1	Lợi nhuận năm 2016 chuyển sang	1.079.142.647
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2017	5.478.886.518
2	Lợi nhuận năm 2017 đem phân phối	558.029.165
-	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	558.029.165
3	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2018	6.000.000.000

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

7. Kế hoạch SXKD năm 2018 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	400,00
2	Tổng chi phí	390,00
3	Lợi nhuận trước thuế	10,00
4	Lợi nhuận sau thuế	8,00
5	Nộp ngân sách nhà nước	10,70
6	Kế hoạch Đầu tư và mua sắm trang thiết bị	2,30

Ghi chú: Phụ lục Kế hoạch Đầu tư và mua sắm trang thiết bị đính kèm.

Và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

8. Đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2018 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

9. Báo cáo thực hiện thù lao năm 2017 và Kế hoạch thù lao năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (*Phụ lục 05*):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

10. Việc bầu ông Phạm Anh Tuấn làm thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Quốc Phương kể từ ngày 20/9/2017 và bầu ông Hoàng Trung Hưng làm thành viên HĐQT thay thế bà Trần Thị Thu Phong từ ngày 14/3/2018:

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

11. Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (*Phụ lục 06*) và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty: “Mua bán khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác”; “Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác”; “Cung ứng lao động tạm thời (Chi tiết: Cho thuê lại lao động) và Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước)”.

Giao Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

12. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty (*Phụ lục 07*):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

13. Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Quang Huy:

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

14. Miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Trần Minh Tuấn:

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

15. Thông qua việc bầu một (01) thành viên HĐQT chuyên trách của Công ty như sau:

Ông Bùi Hữu Cơ:

Số phiếu bầu đạt được: 8.929.320 trên tổng số 8.929.320 quyền bầu

16. Thông qua việc bầu một (01) Kiểm soát viên của Công ty như sau:

Bà Lê Hải Yến:

Số phiếu bầu đạt được: 8.929.320 trên tổng số 8.929.320 quyền bầu

C. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Câu hỏi 1: Đề nghị đơn vị chia cổ tức năm 2017 tỷ lệ 6%/VĐL

Trả lời: Cảm ơn đề xuất của Cổ đông. Việc chia cổ tức cũng là mong muốn của HĐQT và Ban Điều hành PVTrans-PTT. Tuy nhiên Công ty mới thoát lỗ lũy kế, tình hình tài chính vẫn còn nhiều bất ổn, công ty vẫn cần nguồn vốn tích lũy để tái đầu tư, phục vụ cho việc phát triển bền vững và ổn định trong tương lai. Do vậy, năm nay không chia cổ tức nhưng bắt đầu từ năm sau, HĐQT đề xuất nếu hoạt động SXKD Công ty ổn định, có lãi, HĐQT sẽ đề xuất ĐHCĐ chia cổ tức.

Câu hỏi 2: Đề nghị xác định cụ thể số lượng thành viên HĐQT và KSV; xác định nhiệm kỳ cụ thể của HĐQT, KSV tại Điều lệ:

Trả lời: Điều lệ có quy định số lượng thành viên HĐQT, KSV cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Do đó, đề xuất giữ nguyên như dự thảo đã trình.

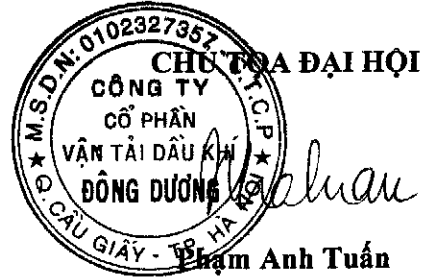
Biên bản Đại hội gồm 05 trang, đã được đọc công khai cho toàn thể Cổ đông tham dự Đại hội cùng nghe. Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung của Biên bản Đại hội và ủy quyền lại cho Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội cùng ký tên.

Biên bản được lập và thông qua vào hồi 11 giờ 55 phút ngày 20/4/2018.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



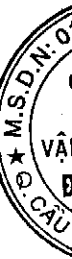
Đỗ Lan Phương





PHỤ LỤC 01:
(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKDD-ĐHĐCD ngày 20/4/2018)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017:

Năm 2017, Công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn trực tiếp tới hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải. Các đơn vị khách hàng tiếp tục thực hiện chủ trương cắt giảm chi phí, dịch vụ và kiểm soát đầu tư; sản lượng CNG sụt giảm do PVGas thay đổi cơ chế nội bộ, sự cố cháy trạm biến áp của CNG phải mất hai tháng mới khắc phục xong, một số tuyến đường các tỉnh phía Bắc đưa các trạm BOT vào thu phí,... đã gây những ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải CNG. Tiến độ xây dựng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm dẫn đến kế hoạch vận tải than và kinh doanh đá vôi của Công ty không thực hiện được.

Tuy nhiên, Công ty có những thuận lợi nhất định. Đó là, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí, các cổ đông, sự chia sẻ ủng hộ của các đơn vị trong ngành như PVEP, PVGAS, BSR, GasD, PVGasN, CNG Việt Nam... và các đơn vị thành viên PVTrans. Ngoài ra, Công ty còn có được đội ngũ cán bộ nhân viên có tâm huyết, có trách nhiệm, năng lực làm việc ngày càng nâng cao, luôn đoàn kết, cùng nỗ lực làm việc vì sự tồn tại và phát triển của Công ty.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị hiện có 05 thành viên, đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, bao gồm:

- Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch (Ông Phạm Anh Tuấn được HĐQT bầu thay thế ông Nguyễn Quốc Phương từ ngày 20/9/2017 do ông Nguyễn Quốc Phương có đơn xin từ nhiệm).
- Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên
- Ông Nguyễn Quang Huy - Ủy viên
- Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên
- Ông Hoàng Trung Hưng – Ủy viên (Ông Hoàng Trung Hưng được HĐQT bầu thay thế bà Trần Thị Thu Phong từ ngày 14/3/2018 do cổ đông Tổng Công ty Dầu Việt Nam đề nghị thay thế).

2. Hoạt động của HĐQT và của các thành viên HĐQT Công ty:

2.1. Hoạt động của HĐQT:

a. Chỉ đạo hoạt động SXKD:

Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của PVTrans, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương phù hợp. Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và đột xuất (bao gồm cả các cuộc họp Tiểu ban của HĐQT); Đã tổ chức 03 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản về các nội dung thuộc thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vấn đề bất cập phát sinh, ban hành 27 nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai các hoạt động SXKD.

Các Nghị quyết/quyết định trong năm 2017 của HĐQT:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	04/01/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016
2	02/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	01/3/2017	Phê duyệt bán thanh lý 02 xe ô tô văn phòng cho thuê và 01 xe bồn chở LPG.
3	01/NQ-VTDKĐD-HĐQT	08/3/2017	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
4	02/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/4/2017	Họp thường kỳ Quý I năm 2017.
5	03/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	13/4/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình
6	04/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	13/4/2017	Bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh Công ty tại Thái Bình.
7	03/NQ-VTDKĐD-HĐQT	24/4/2017	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.
8	05/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	25/4/2017	Giao chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2017
9	04/NQ-VTDKĐD-HĐQT	28/4/2017	Chấp thuận phương án thế chấp xe ô tô để mở bảo lãnh thanh toán LPG theo Hợp đồng mua bán khí hóa lỏng số 60/2017/KMB/KD-DONGDUONG/B1 đã ký kết với Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc theo đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 132/TTr-VTDKĐD ngày 14/4/2017.
10	06/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	03/5/2017	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Công ty tại Thái Bình
11	07/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	31/5/2017	Phê duyệt kế hoạch định biên năm 2017 của Công ty
12	08/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	23/6/2017	Dừng kinh doanh hoạt động vận tải LPG đối với 02 xe bồn 10.2MT biển kiểm soát 30X-5040 và 30X-5043 để chờ thực hiện bán thanh lý tài sản.
13	05/NQ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Họp thường kỳ Quý II năm 2017
14	09/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “ Đầu tư bồn chứa CNG và rơ mooc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – PVGas South”
15	10/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “ Đầu tư 41 xe ô tô đã qua sử dụng để tiếp tục thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ xe văn phòng với Tổng Công ty Khí Việt Nam nhận chuyển giao từ Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long”
16	11/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “ Đầu tư 43 xe ô tô đã qua sử dụng nhận chuyển giao từ Công ty CP Dịch vụ Vận

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			tải Dầu khí Cửu Long để mở rộng hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ xe văn phòng khu vực phía Nam”
17	12/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Ban hành Quy chế làm việc của HĐQT Công ty.
18	13/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	05/7/2017	Phê duyệt phương án thanh lý 02 xe bồn LPG 10,2 MT hiệu DONGFENG biển kiểm soát 30X-5040 và 30X-5043.
19	14/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	31/7/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.
20	06/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/9/2017	Họp thường kỳ Quý III năm 2017
21	15/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	20/9/2017	Dừng kinh doanh và dừng khấu hao đối với xe văn phòng cho thuê nhãn hiệu Hyundai County BKS 51B-091.24 để đưa vào diện chờ thanh lý.
22	07/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/9/2017	Bầu bổ sung thành viên HĐQT và Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.
23	08/NQ-VTDKĐD-HĐQT	11/10/2017	Dừng Hợp đồng thuê mua số 15/2016/PTT-SH ký ngày 01/8/2016 và bán thanh lý các xe thu hồi.
24	09/NQ-VTDKĐD-HĐQT	25/10/2017	Thông qua việc thanh lý xe ô tô nhãn hiệu Hyundai County BKS 51B-091.24
25	10/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/11/2017	Chấp thuận cầm cố Hợp đồng tiền gửi để mở bảo lãnh dự thầu Gói thầu “ Cung cấp dịch vụ cho thuê xe và lái xe phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam”
26	11/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/11/2017	Chấp thuận cầm cố Hợp đồng tiền gửi để mở bảo lãnh dự thầu Gói thầu “ Cung cấp nhiên liệu đá vôi cho quá trình chạy thử” Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
27	12/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/12/2017	Họp thường kỳ Quý IV năm 2017

b. Kết quả đạt được:

• **Kết quả hoạt động SXKD:**

Năm 2017, các thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý điều hành. Thống nhất nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc một cách công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Với sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, năm 2017, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	480,00	520,120	108
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,00	7,392	106
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,60	5,479	98
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	4,00	5,582	140
5	Kế hoạch Đầu tư XD CB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	2,43	0	0

Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch do chi phí nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vượt kế hoạch.

• Công tác đầu tư:

Theo kế hoạch đầu tư năm 2017 của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua, Công ty có một (01) dự án chuyển tiếp từ năm 2016 đó là “Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý” với tổng mức đầu tư 2,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ xây dựng nên dự án này chưa hoàn thành trong năm 2017, đồng thời dẫn đến kế hoạch vận tải than và kinh doanh đá vôi của Công ty không thực hiện được.

• Công tác quản trị, tái cấu trúc:

Công tác quản lý, quản trị được triển khai quyết liệt, thực hiện rà soát và nâng cấp toàn diện hệ thống quản trị nội bộ doanh nghiệp theo hướng tăng cường tuân thủ, quản trị rủi ro, tăng cường tính minh bạch và thực sự hiệu quả. Do đó, một số vấn đề tồn đọng từng bước được giải quyết dứt điểm (đặc biệt là vấn đề công nợ khó đòi,...), chất lượng công tác kiểm soát phòng ngừa rủi ro được nâng cao giúp hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả.

• Công tác ăn sinh xã hội, chăm lo đời sống, tinh thần cho CBCNV:

Luôn duy trì đoàn kết nội bộ. Luôn quan tâm chăm lo đến đời sống CBCNV. Mặc dù Công ty còn nhiều khó khăn nhưng vẫn luôn động viên, khuyến khích người lao động kịp thời bằng nhiều hình thức.

• Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

- Công tác rà soát xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cần kịp thời hơn nữa để quy chế, quy định thực sự là công cụ hỗ trợ công tác quản trị Công ty.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực đáp ứng tốt nhu cầu công việc.

c. Công tác giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:

- HĐQT thực hiện chức trách của mình thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành Công ty và các cuộc họp khác. Ngoài ra, HĐQT đã theo dõi nắm bắt tình hình SXKD, tình hình quản lý sử dụng nguồn lực của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất của Giám đốc và của các bộ phận quản lý khác, giúp cho hoạt động của Người đại diện phần vốn của các đơn vị tại Công ty có điều kiện thuận lợi thực thi nhiệm vụ của mình. Trong năm 2017, tất cả các ý kiến của BKS đều được HĐQT xem xét cẩn trọng, phát huy mặt tích cực và tìm giải pháp khắc phục tồn tại.

- Năm 2017, HĐQT đánh giá Giám đốc Công ty về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình theo Điều lệ Công ty và theo các quy định hiện hành khác.

2.1. Hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

- 1) Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Lãnh đạo chung, giám sát tất cả các hoạt động trong hệ thống của Công ty, triệu tập, chủ trì các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ.
 - Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để thực hiện, để trình, để báo cáo ĐHĐCĐ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên HĐQT chuẩn bị nội dung các cuộc họp của HĐQT.
 - Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định và các nhiệm vụ khác của HĐQT.
 - Thay mặt HĐQT tổ chức, chỉ đạo thực hiện quản lý nguồn vốn, thu xếp tài chính cho các dự án đầu tư.
 - Trực tiếp chỉ đạo, quản lý, giám sát các lĩnh vực: Chiến lược định hướng và phát triển công ty; Kế hoạch SXKD của Công ty; Công tác sắp xếp đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, đào tạo thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; Công tác đầu tư phát triển thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; Công tác đối ngoại; Công tác thi đua, khen thưởng, kỉ luật; Công tác xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ; Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.
- 2) Ông Nguyễn Quang Huy – Ủy viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty.
 - Phụ trách pháp lý, chính sách, là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT về công tác bảo toàn và phát triển vốn.
 - Trực tiếp thực hiện tổ chức, chỉ đạo, điều hành, quản lý các hoạt động SXKD của Công ty theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Báo cáo tình hình hoạt động và kết quả SXKD cho Công ty theo định kỳ hoặc theo yêu cầu.
 - Theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của tổ chức Đảng, Chi hội CCB, Công đoàn, Đoàn thanh niên theo các quy định hiện hành.
 - Tổ chức Thực hiện các Hợp đồng kinh tế.
 - Tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành và Điều lệ Công ty.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 3) Bà Trần Thị Thu Phong – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
 - Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT: Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp; Phát triển các dịch vụ, công việc của PVOil tại Công ty; Công tác phát triển nhân sự, định chế lao động tiền lương; Công tác đào tạo; Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 4) Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
 - Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT: Công tác kế hoạch; Các công việc liên quan đến đầu tư, thu xếp vốn đầu tư; Công tác thu hồi công nợ của Công ty, đối tác,...; Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 5) Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT: Công tác xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD của Công ty; Kế hoạch tài chính phục vụ hoạt động SXKD, đầu tư; Công tác quản trị nội bộ; Phát triển các dịch vụ, công việc của PVT tại Công ty; Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong Công ty; Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018:

Nhận thức được năm 2018 vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, Hội đồng Quản trị Công ty kiên quyết tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành, khắc phục các tồn tại trong năm 2017, tìm giải pháp thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

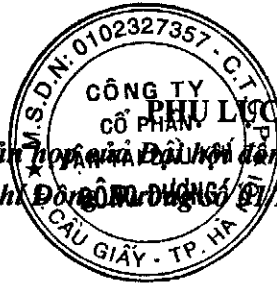
- Hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2018 do ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua.
- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Duy trì ổn định, phát triển mở rộng hoạt động cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.
- Phát triển thị trường vận chuyển CNG nhằm trở thành một trong những lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả tốt của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe đầu kéo.
- Nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nguồn hàng, triển khai hiệu quả công tác vận chuyển hàng hóa nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.
- Chủ động tính toán triển khai thực hiện dự án đầu tư bến neo đậu tàu vào cảng các nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tiến độ của nhà máy, hiệu quả của dự án.
- Phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ mới.
- Chỉ đạo tập trung rà soát và nâng cấp toàn diện hệ thống quản trị nội bộ doanh nghiệp theo hướng tăng cường tuân thủ, quản trị rủi ro, tăng cường tính minh bạch và thực sự hiệu quả; tổ chức triển khai các mục tiêu quản trị (như kiểm soát tuân thủ, quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí và tăng cường tính minh bạch...) một cách nghiêm túc và hiệu quả.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí marketing, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động SXKD.
- Chú trọng đến công tác nhân sự, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động

- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Thực hiện và tuân thủ các quy định trong công tác SXKD và quản lý điều hành. Liên tục hoàn thiện các quy trình, quy chế, hệ thống định mức phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.
- Luôn quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông. Duy trì chế độ họp theo quy định của Điều lệ Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02:
(Đính kèm Biên bản họp Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (VTDC) (BBH-VTDKDD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH.

1. Khó khăn:

Năm 2017 trong bối cảnh những khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức:

- Các đơn vị tiếp tục thực hiện chủ trương cắt giảm chi phí, ngân sách, dịch vụ, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí quản lý và kiểm soát đầu tư nên cơ hội mở rộng thị trường, phát triển thêm khách hàng đối với các loại hình dịch vụ hoạt động của Công ty bị tác động và gần như không có cơ hội tăng trưởng.

- Vận tải CNG bị cắt giảm sản lượng do PVGas thay đổi cơ chế nội bộ, một số khách hàng của Công ty CNG Việt Nam tạm dừng hoạt động trong thời gian dài để bảo dưỡng nhà máy và sự cố cháy trạm biến áp vào đầu tháng 10/2017 đến cuối tháng 12/2017 mới khắc phục được dẫn đến doanh thu vận tải CNG bị sụt giảm; chi phí cầu đường phát sinh tăng do một số tuyến đường các tỉnh phía Bắc đưa các trạm BOT vào thu phí đã gây những ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải CNG.

- Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ xây dựng dẫn đến kế hoạch vận tải than và kinh doanh đá vôi của Công ty không thực hiện được.

2. Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ trực tiếp từ Tập đoàn Dầu khí, sự chia sẻ ủng hộ của các đơn vị trong ngành như PVEP, PVGAS, BSR, GasD... và các đơn vị thành viên PVTRANS.

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD và các Ban chức năng của PVTRANS đã trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ Công ty Đông Dương về mọi mặt từ công tác tái cấu trúc, tổ chức kinh doanh đến quản trị doanh nghiệp.

- HĐQT Công ty luôn sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành, hỗ trợ Ban lãnh đạo giải quyết những vướng mắc trong hoạt động SXKD.

- Sự phối hợp nhịp nhàng trong điều độ, khai thác phương tiện với PVGasN, CNG Việt Nam đã góp phần tiết giảm được chi phí vận hành, chi phí sửa chữa phương tiện một cách hữu hiệu, đồng thời đảm bảo được an toàn cao nhất cho hoạt động vận chuyển CNG trong năm 2017.

- Hiệu quả của công tác tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã phát huy tác dụng tốt cho sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đội ngũ, cán bộ nhân viên Công ty có trách nhiệm, tâm huyết với công việc; Công ty đã hình thành được văn hóa đoàn kết và quyết tâm cao vượt qua khó khăn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017.

Với sự nỗ lực và đoàn kết nhất trí cao của BCH Đảng bộ, HĐQT, Ban Giám đốc đến từng Cán bộ nhân viên và người lao động trong Công ty, cùng với những giải pháp quyết

liệt, đúng đắn, phù hợp thị trường. Trong năm 2017, Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định các lĩnh vực kinh doanh có lợi thế và đạt hiệu quả cao như vận chuyển CNG, xe vận phòng và tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu SXKD như: Nâng cấp Tổ dự án CNG Thái Bình lên thành Chi nhánh tại Thái Bình (tháng 4/2017), chấm dứt hoạt động của Đội xe bồn LPG do hoạt động kém hiệu quả,..... Công tác quản lý, quản trị trong từng lĩnh vực tiếp tục được duy trì, điều chỉnh để theo kịp với sự phát triển của công ty cũng như kiểm soát được những rủi ro trong SXKD. Việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo và cải thiện. Văn hóa doanh nghiệp được quan tâm và duy trì.

Kết quả thực hiện năm 2017 của PVTrans-PTT cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu	480,000	520,120	108%
2	Lợi nhuận trước thuế	7,000	7,392	106%
3	Nộp ngân sách	4,000	5,582	140%

(Bảng số liệu chi tiết từng lĩnh vực kèm theo)

Đánh giá: Tổng quan hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2017 thực hiện đạt được tất cả các chỉ tiêu về tổng doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước, riêng chỉ tiêu chi tiết về doanh thu từ dịch vụ vận tải than, đá vôi và vận tải CNG không đạt do một số nguyên nhân sau:

- Thời gian hoàn thành đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm dẫn đến kế hoạch vận tải than và kinh doanh đá vôi không thực hiện được.

- Doanh thu vận tải CNG không đạt kế hoạch do sản lượng vận tải bị sụt giảm, nguyên nhân: PVGas thay đổi cơ chế nội bộ, một số khách hàng của Công ty CNG Việt Nam tạm dừng hoạt động trong thời gian dài và sự cố cháy trạm biến áp vào đầu tháng 10/2017 đến cuối tháng 12/2017 mới khắc phục được.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Vận tải sản phẩm khí

❖ Vận tải LPG:

Theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty dự kiến sẽ dừng hoạt động kinh doanh vận tải LPG từ tháng 4/2017, tuy nhiên do yêu cầu từ hoạt động kinh doanh LPG nên trong Quý II/2017 Công ty vẫn hoạt động khai thác 02 xe bồn 15MT và tiếp tục hợp đồng cho thuê mua 05 xe bồn kết thúc vào ngày 31/5/2017. Tuy nhiên hoạt động này không đem lại lợi nhuận do hiệu suất khai thác thấp, doanh thu không đủ bù chi phí kinh doanh. Sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt về chủ trương, Công ty đã dừng kinh doanh hoạt động vận tải LPG từ ngày 01/7/2017 và thực hiện các thủ tục bán thanh lý toàn bộ số xe bồn LPG. Đến tháng 8/2017 Công ty đã hoàn thành công tác bán thanh lý. Doanh thu từ vận tải LPG và cho thuê mua xe bồn LPG 06 tháng đầu năm 2017 đạt 0,618 tỷ đồng, bằng 133% kế hoạch.

❖ Vận tải CNG

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục duy trì các hợp đồng vận chuyển CNG cho các khách hàng của CNG Việt Nam và Gas North.

Hoạt động vận tải CNG trong 3 tháng đầu năm gặp rất nhiều khó khăn do PVGas thay đổi cơ chế nội bộ dẫn đến sản lượng vận tải sụt giảm, một số khách hàng tạm dừng hoạt động trong thời gian dài để bảo dưỡng nhà máy và nghỉ Tết Âm lịch, và số bồn Công ty đầu tư đưa vào khai thác mới chỉ đạt 50% (3 bồn trong tổng số 6 bồn), chi phí cầu đường phát sinh tăng do một số tuyến các tỉnh phía Bắc đưa các trạm BOT vào thu phí đã gây những ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải CNG của Công ty trong Quý I/2017.

Giải pháp cho những khó khăn trên:

- Công ty đã nỗ lực làm việc với PVGas và CNG Việt Nam để tìm kiếm giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các bên. Sau khi PVGas chính thức ban hành cơ chế bán hàng và giao kế hoạch tiêu thụ cho CNG VN, sản lượng vận tải CNG đã được ổn định trở lại, đồng thời đến 10/4/2017 Công ty đã bàn giao 03 bồn còn lại cho CNG VN đưa vào khai thác dài hạn trong khu vực phía Nam và đạt được thỏa thuận với CNG VN về việc tiếp tục đưa 3 bồn đang khai thác tại phía Bắc vào khai thác dài hạn trong khu vực phía Nam từ Quý 3/2017 (do hiệu suất khai thác bồn phía Nam cao hơn) sau khi Công ty kết thúc hợp đồng cung cấp bồn vận chuyển Hydro cho Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Theo đó, hoạt động vận chuyển CNG đã đi vào ổn định, đặc biệt đã giải quyết được khó khăn lớn nhất của Công ty về khai thác hiệu quả 6 bồn đầu tư.

- Sau khi được HĐQT Công ty chấp thuận về chủ trương, Công ty đã triển khai và hoàn thành các thủ tục pháp lý để thành lập Chi nhánh Thái Bình vào tháng 4/2017. Bắt đầu từ tháng 6/2017 Công ty đã được hưởng ưu đãi về chi phí sử dụng đường bộ theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 06/2/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Do sự cố trạm biến áp của nhà máy Phân phối khí Thấp Áp bị cháy từ tháng 10/2017 đến cuối tháng 12/2017 mới khắc phục được dẫn đến sản lượng khí CNG bị sụt giảm mạnh so với kế hoạch.

Kết quả doanh thu năm 2017 của lĩnh vực vận tải CNG đạt 85,732 tỷ đồng (đạt 82% kế hoạch), trong đó doanh thu từ 06 bồn composite là 12,313 tỷ đồng, doanh thu đầu kéo là: 33,156 tỷ đồng, doanh thu từ vệ tinh là 40,263 tỷ đồng.

b) Vận tải khác

❖ Hoạt động cho thuê mua xe văn phòng:

Nguyên nhân không đạt kế hoạch: Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của thị trường taxi, đồng thời do ảnh hưởng của chính sách thuế làm giá xe cũ giảm sâu, hoạt động kinh doanh của đối tác thuê mua xe là Công ty Sinh Thái (Công ty Sông Hương cũ) gặp nhiều khó khăn như doanh thu ca xe thấp, không tuyển dụng được lái xe... Trước tình hình trên, sau rất nhiều lần làm việc với Sinh Thái để tìm giải pháp tháo gỡ nhưng không đạt được kết quả như mong muốn, trong tháng 7/2017 Công ty đã nhận lại 29 xe, đến tháng 10/2017 Công ty tiếp tục nhận lại 33 xe để tiến hành thanh lý thu hồi vốn và đồng thời chuyển nhượng trước thời hạn cho Công ty Sinh Thái 08 xe. Tháng 11/2017 Công ty đã hoàn thành các thủ tục chấm dứt hợp đồng với đơn vị thuê mua và tổ chức bán thanh lý thành công 62 xe còn lại, thu hồi được toàn bộ vốn đầu tư.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê mua xe này trong năm 2017 đạt 2,426 tỷ đồng, bằng 61% kế hoạch.

❖ Vận tải xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội:

Năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe định hạn và xe chuyển với các đơn vị khác trong Tập đoàn, duy trì ổn định hoạt động SXKD,

- Số lượng kinh doanh: Tổng số xe khai thác hiện nay là 35 xe:
- + Xe định hạn: 18 xe, trong đó 13 xe Công ty và 05 xe vệ tinh.
- + Xe chuyển: 17 xe công ty.

- Doanh thu: đạt 105% KH được giao (15,991 tỷ đồng TH/15,238 tỷ KH)

- ❖ *Vận tải xe văn phòng cho thuê tại Hồ Chí Minh:*

Tiếp tục gia hạn được các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe định hạn và xe chuyển với các đơn vị khác trong Tập đoàn, tham gia đấu thầu, chào giá cạnh tranh và ký kết được các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe văn phòng dài hạn như: Tổng Công ty khí (55,2 tỷ/năm, thực hiện từ 01/6/2017), Công ty GasD (13 tỷ/năm, thực hiện từ 01/01/2018).

- Số lượng kinh doanh: Tổng số xe khai thác hiện nay là 99 xe, trong đó 51 xe Công ty đầu tư và 48 xe thuê vệ tinh.

- Doanh thu: đạt 80,567 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch.

- c) Lĩnh vực kinh doanh LPG và thương mại khác:**

- ❖ *Kinh doanh LPG*

Đây là hoạt động có doanh thu cao nhưng lợi nhuận rất thấp và cần vốn lưu động lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro trong thanh toán. Theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt, trong năm 2017 Công ty chỉ duy trì sản lượng LPG bán xe bồn 150 tấn cho 02 khách hàng có bảo lãnh thanh toán. Để đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, Công ty triển khai các hợp đồng mua bán thương mại giao tàu theo phương thức 3 bên, đảm bảo an toàn về công nợ và không phát sinh chi phí vốn.

- Doanh thu: đạt 332,008 tỷ đồng, đạt 143% kế hoạch.

- ❖ *Dịch vụ quảng cáo:*

Trong năm 2017 Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng quảng cáo cho PVGas với doanh thu là 86,4 triệu/tháng. Hợp đồng này kết thúc vào ngày 15/8/2017.

Tổng doanh thu năm 2017 từ hoạt động quảng cáo là 648 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch

3. Công tác tái cấu trúc.

Năm 2017, Công ty tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tái cấu trúc bộ máy tổ chức phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu SXKD:

- Nâng cấp Tổ dự án CNG Thái Bình lên thành Chi nhánh tại Thái Bình (tháng 4/2017);

- Chấm dứt hoạt động của Đội xe bồn LPG do hoạt động kém hiệu quả (từ 01/7/2017).

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy nhân sự: Trong tháng 7 và tháng 8/2017 đã chấm dứt HĐLĐ với 05 lao động gián tiếp tại VP Công ty và Chi nhánh Thái Bình, 02 lao động là lái xe bồn, giải quyết về hưu trước tuổi đối với 01 lao động gián tiếp vào tháng 11/2017.

Việc chấm dứt HĐLĐ và giải quyết chế độ lao động đối với CBCNV và người lao động được Công ty phối hợp chặt chẽ với BCH Công đoàn Công ty, việc tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật lao động và thỏa ước lao động tập thể Công ty.

4. Công tác đầu tư.

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện dự án chuyển tiếp từ năm 2016, dự án “Cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý”. Hiện nay dự án mới thực hiện đến giai đoạn thuê đơn vị lập thiết kế thi công công trình, tìm kiếm đơn vị thẩm tra thiết kế. Tuy nhiên nhận thấy công tác xây dựng của Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ, Công ty đã chủ động chỉ đạo giãn tiến độ triển khai dự án phù hợp tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án.

5. Công tác đào tạo, lao động tiền lương.

- a) Công tác đào tạo:**

Trong năm 2017, Công ty triển khai thực hiện cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ do Tập đoàn, Tổng Công ty và các đơn vị khác tổ chức, kết quả cụ thể như sau:

- Tham gia tập huấn công tác công đoàn: 03 người
- Tập huấn sử dụng hệ thống quản lý thông tin Công ty: 01 người
- Đào tạo an toàn ứng cứu khẩn cấp trong công tác vận chuyển CNG: 25 người
- Đào tạo công tác an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và bàn giao bồn: 08 người.
- Tiếp tục cử 08 cán bộ là Trưởng, Phó các phòng chức năng tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị.

b) Công tác lao động:

Số lao động tại thời điểm 31/12/2017 là 192 người, trong đó:

Khởi trực tiếp SXKD:

Lĩnh vực/đơn vị	NV Điều hành	CN Lái xe
- Đội xe Văn phòng cho thuê:	01 người	22 người
- Chi nhánh Thái Bình:	07 người	-
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:	08 người	129 người
- Tổ dự án vận tải than :	01 người	-
Cộng:	17 người	151 người

Phân loại trình độ lao động: Đại học 15 người (8,93%); Cao đẳng/Trung cấp: 02 người (1,19%); Công nhân lái xe 151 người (89,88%).

Khối lao động gián tiếp gồm 24 người.

- Ban Giám đốc: 03 người, gồm GD và 2 PGD;
- Trưởng/phó phòng chức năng: 08 người (04 TP + 04 PP);
- Nhân viên văn phòng: 13 người.

Phân loại trình độ lao động: Đại học: 21 người (87,50%); Cao đẳng: 01 người (4,17%); Lái xe/CNKT: 02 người (8,33%).

c) Công tác tiền lương:

Công tác chi trả lương cho CBCNV, người lao động luôn đảm bảo tiến độ trước ngày mùng 10 hàng tháng. Trong năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện công tác đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành công việc định kỳ hàng tháng để làm cơ sở chi trả lương cho khối lao động gián tiếp. Năm 2017, thu nhập bình quân 13,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 9% so với năm 2016 (Chủ yếu ảnh hưởng từ cơ chế thu nhập của khối lái xe tại thành phố HCM).

6. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các đoàn thể.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy cấp trên, Đảng ủy Công ty, các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã có những hoạt động nổi bật, thiết thực. BCH Đảng bộ Công ty đã trực tiếp lãnh đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội CCB tổ chức cho các Đoàn viên nhiệt tình tham gia lao động sản xuất; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể quản chúng kiện toàn công tác tổ chức theo đúng quy định, hướng dẫn của Tổng Công ty và Tập đoàn. Các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ đã thường xuyên tuyên truyền giáo dục tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ đoàn viên thanh niên trong Công ty. Trong năm tại các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ bộ phận Công ty đã bồi dưỡng và triển khai thủ tục kết nạp Đảng cho 04 đối tượng cảm tình Đảng.

Chính quyền cùng các đoàn thể chính trị xã hội tại Công ty luôn nhiệt tình hưởng ứng các hoạt động, chương trình do Tập đoàn, Tổng Công ty, Đảng ủy Công ty phát động: đi làm thêm ngày thứ 7 ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt tại Mường La, tỉnh Sơn La; tổ chức

chương trình an sinh xã hội “Ấm áp mùa đông Cao Bằng”, tổ chức hoạt động tri ân gia đình mẹ Việt Nam anh hùng và thấp hương tại Đài tưởng niệm phùng Dịch Vọng Hậu nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh Liệt sỹ, chương trình an sinh xã hội thăm và tặng quà cho các cháu tại Trung tâm bảo trợ xã hội III....

Đồng thời, Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV (tổ chức dã ngoại tham quan cho CBCNV nữ dịp 20/10, tổ chức và tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 01/6 và Trung thu, thăm hỏi và động viên vật chất lẫn tinh thần cho đoàn viên công đoàn Công ty phẫu thuật mổ dây chằng chân trái và có hoàn cảnh khó khăn,...); Phát động và tổ chức các hoạt động góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động; tổ chức Đại hội Đại biểu Đoàn thanh niên Công ty lần thứ 4 nhiệm kỳ 2017-2020, tổ chức Đại hội Đại biểu Công Đoàn lần thứ 4 nhiệm kỳ 2017-2022, tổ chức Đại hội các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ bộ phận Công ty.

Các phong trào đoàn thể tại Công ty góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2017 Công ty Đông Dương đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm được giao. Công tác tổ chức quản lý, quản trị trong từng lĩnh vực kinh doanh đã có những điều chỉnh phù hợp, chuyên biến tích cực hơn so với những năm trước. Trong đó phải kể đến việc: kinh doanh vận tải CNG an toàn và hiệu quả vượt mức so với FS; thị phần của lĩnh vực cho thuê xe vẫn phòng được gia tăng và ổn định; chính thức chấm dứt hoạt động kinh doanh vận tải LPG không hiệu quả; hoàn thành toàn bộ công tác bán thanh lý số xe taxi cũ; kiểm soát được những rủi ro trong kinh doanh đặc biệt là công nợ, việc làm của người lao động được đảm bảo, thu nhập được cải thiện. Bộ máy quản lý điều hành được kiện toàn, sắp xếp lại theo nguyên tắc tinh giản bộ máy gián tiếp, tiết kiệm chi phí hành chính, nâng cao năng lực sản xuất trực tiếp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, các trường hợp cán bộ lãnh đạo thiếu tinh thần trách nhiệm.

Mặc dù kết quả đạt được còn rất khiêm tốn nhưng đó là sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty Đông Dương, sự quyết tâm, trách nhiệm của Ban lãnh đạo. Kết quả đạt được còn nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty PV Trans, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty. Trước mắt Công ty Đông Dương vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức, rất nhiều những việc phải làm trong năm 2018 và các năm tiếp theo. Tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động trong Công ty tiếp tục đoàn kết phát huy những kết quả đã đạt được và phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

B. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Trên cơ sở nguồn lực tài sản hiện có của Công ty cùng với các vấn đề tồn tại đã được giải quyết, công tác nhân sự được kiện toàn, nguồn lực tài chính tăng dần là những tiền đề để Công ty Đông Dương xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Duy trì ổn định, phát triển mở rộng hoạt động cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.
- Phát triển thị trường vận chuyển CNG nhằm trở thành một trong những lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả tốt của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe đầu kéo.
- Nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nguồn hàng, triển khai hiệu quả công tác vận chuyển hàng hóa nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.
- Chủ động tính toán triển khai thực hiện dự án đầu tư bến neo đậu tàu vào cảng các nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tiến độ của nhà máy, hiệu quả của dự án.
- Phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ mới khi được Tổng Công ty và HĐQT Công ty giao.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Cải tiến kỹ thuật, tăng cường thực hành tiết kiệm, tổ chức quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí marketing, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động SXKD.
- Chú trọng đến công tác nhân sự, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.
- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn, Tổng Công ty phát động.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 (Phụ biểu chi tiết đính kèm)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	400.000
2	Lợi nhuận trước thuế	nt	10.000
3	Lợi nhuận sau thuế	nt	8.000

4	Nộp Ngân sách Nhà nước	nt	10.700
----------	-------------------------------	-----------	---------------

Trong đó kế hoạch các lĩnh vực kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

a. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG:

- Khai thác tối đa năng lực phương tiện và thiết bị đã đầu tư, cung cấp dịch vụ vận chuyển cho CNG Việt Nam an toàn và hiệu quả với km vận doanh của đầu kéo trên 1,26 triệu km và sản lượng tối thiểu của bồn đạt 30,5 triệu Sm³ khí CNG.

- Sử dụng đơn vị vệ tinh tổ chức cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho PVGasN kịp thời, an toàn và hiệu quả với sản lượng vận chuyển dự kiến trên 20 triệu Sm³.

b. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê:

- Theo kế hoạch, thời điểm đầu năm 2018 số xe tại các thị trường dự kiến như sau:

+ Tại Hà Nội:

Xe cho thuê định hạn: 18 xe, gồm 13 xe Công ty đầu tư và 05 xe vệ tinh.

Đội xe chuyển: 18 xe Công ty đầu tư.

+ Tại TP. Hồ Chí Minh: Xe định hạn: 51 xe Công ty đầu tư và 79 xe vệ tinh.

+ Mở rộng thị trường kinh doanh xe văn phòng: 100 xe theo tiến độ của Dự án Long Sơn trong năm 2018.

c. Kinh doanh cung cấp và vận tải đá vôi :

- Cung cấp cho Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 và 2: Chủ động bám sát tình hình Nhà máy đưa vào hoạt động để đảm bảo trúng thầu các gói thầu cung cấp đá vôi và cung cấp dịch vụ vận chuyển đá vôi cho Nhà máy. Dự kiến sản lượng năm 2018 là 60.000 tấn, bắt đầu khai thác từ tháng 01/2018.

d. Kinh doanh thương mại LPG:

- Sản lượng thương mại LPG giao tàu 15.050 tấn/năm.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2018

a. Dự án chuyển tiếp: Năm 2018 Công ty sẽ tiếp tục thực hiện dự án chuyển tiếp từ năm 2017 “Cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng các NMNĐ Thái Bình trên sông Trà Lý”.

Lĩnh vực	Số lượng	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)			Ghi chú
		Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay	
Cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng các NMNĐ Thái Bình trên sông Trà Lý	01 bến neo đậu	2,300	2,300	0	

b. Dự án chuẩn bị đầu tư: Theo kế hoạch SXKD năm 2018 Công ty Đông Dương sẽ mở rộng thị trường kinh doanh xe văn phòng tại phía Nam, trong đó Công ty dự kiến sẽ đầu tư 50 xe. Chi tiết tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn Công ty sẽ tính toán cụ thể và trình Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt sau khi ký kết các hợp đồng định hạn với khách hàng.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giải pháp trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

a. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG:

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với CNG Việt Nam trong việc tổ chức điều độ, vận chuyển, giao nhận hàng hóa ... đảm bảo tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành của các bên, kiểm soát tốt nhất các nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển.

- Đàm phán với Cty khí hóa lỏng Hà Nội và GasNorth để tiếp tục duy trì vận chuyển khối lượng CNG theo kế hoạch 2018 theo đúng hợp đồng đã ký.
- Kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nhiên liệu; thực hiện công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thường xuyên và định kỳ đúng quy trình.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Sở Giao thông, cơ quan Công an các địa phương nhằm đảm bảo luôn có giải pháp tốt nhất trong việc xử lý các sự cố phát sinh.

b. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê

- Tập trung phát triển mở rộng thị trường xe văn phòng cho thuê tại khu vực phía Nam.
- Bổ sung nhân sự quản lý điều hành phù hợp với số lượng xe kinh doanh để đảm bảo công tác điều độ đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng, nâng cao được chất lượng quản lý dịch vụ.
- Bám sát kế hoạch của các đơn vị trong ngành để thực hiện công tác marketing, phát triển cả số xe định hạn và số lượt xe chuyên. Chủ động xây dựng kế hoạch vận chuyển cho từng khách hàng trong cả năm nhằm mục tiêu ký kết được các hợp đồng vận chuyển trọn gói dài hạn.
- Thực hiện đầu tư phương tiện cho thuê theo nhu cầu của khách hàng và đầu tư để thay thế các xe định hạn đang cho thuê sau nhiều năm khai thác, điều chuyển các xe thay thế phát triển mở rộng dịch vụ xe chuyên.
- Hoàn thiện chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp: Xây dựng đơn giá cạnh tranh, hoàn thiện chất lượng dịch vụ xe văn phòng cho thuê trong cách thức quản lý, điều vận phương tiện và đặc biệt là tác phong phục vụ của lái xe.
- Tăng cường kiểm soát chi phí bảo dưỡng sửa chữa phương tiện, rà soát và điều chỉnh định mức tiêu hao nhiên liệu.

c) Kinh doanh và vận tải đá vôi

- Bám sát tiến độ các Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 và 2, tham gia đấu thầu các gói thầu cung cấp đá vôi và cung cấp dịch vụ vận chuyển đá vôi cho các Nhà máy.

d) Kinh doanh LPG

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát công tác bán hàng, kiểm soát chặt chẽ công nợ khách hàng với mục tiêu đảm bảo an toàn tuyệt đối nguồn vốn kinh doanh.
- Hợp tác chặt chẽ với khách hàng hiện hữu để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh LPG đảm bảo chỉ tiêu về doanh thu của Công ty.

2. Giải pháp trong công tác dự báo, phát triển thị trường.

- Chú trọng thực hiện và phát huy tốt hơn nữa công tác dự báo thị trường, đặc biệt là thị trường kinh doanh thương mại LPG.
- Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng hiện có, chủ động xây dựng các cơ chế mở trong hợp tác kinh doanh để phát triển thêm khách hàng ở các lĩnh vực trên nguyên tắc hài hòa về lợi ích.
- Phối hợp chặt chẽ với PVGasN, CNG Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho khách hàng, tạo các mối liên kết chặt chẽ, đảm bảo cho sự ổn định dài hạn trong hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển CNG.

3. Giải pháp về tổ chức, quản lý.

- Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro trên toàn bộ các lĩnh vực, từ quản lý điều hành đến sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy điều hành phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty ở từng giai đoạn.
- Rà soát, tinh giản nhân sự ở các bộ phận gián tiếp, tổ chức lại bộ máy tại các đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.
- Từng bước tuyển dụng nhân sự mới cho các lĩnh vực mới, bao gồm cả bộ phận gián tiếp và trực tiếp, hoàn thiện các cơ chế quản lý, quản trị, từng bước chuyển đổi mô hình quản lý điều hành như hiện nay sang mô hình khoán quản, tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	480,000	520,120	108%
	Trong đó: - Ngoại tệ	USD			
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	245,900	186,123	76%
1.1	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	104,600	86,350	83%
-	Vận tải LPG + cho thuê mua xe bồn	Tr.đồng	466	618	133%
-	Vận tải CNG	Tr.đồng	104,134	85,732	82%
1.2	Vận tải than	Tr.đồng	33,740	-	0%
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi		10,800	790	7%
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	96,760	98,984	102%
-	Hoạt động cho thuê mua xe văn phòng	Tr.đồng	3,996	2,426	61%
-	Xe văn phòng cho thuê tại HN	Tr.đồng	15,238	15,991	105%
-	Xe văn phòng cho thuê tại HCM	Tr.đồng	77,526	80,567	104%
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	232,350	332,656	143%
2.1	Kinh doanh LPG	Tr.đồng	231,702	332,008	143%
2.2	DV quảng cáo	Tr.đồng	648	648	100%
3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	700	24	3%
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	-	146	
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	1,050	1,172	112%
6	Các khoản giảm trừ doanh thu	Tr.đồng	-	-	
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	473,000	512,728	108%
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	444,330	494,312	111%
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	211,760	161,943	76%
-	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	93,210	71,729	77%
	+ Vận tải LPG + cho thuê mua xe bồn	Tr.đồng	503	792	158%
	+ Vận tải CNG	Tr.đồng	92,707	70,936	77%
-	Vận tải than	Tr.đồng	27,250	-	
-	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	9,600	780	8%
-	Vận tải khác	Tr.đồng	81,700	89,434	109%
	+ Hoạt động cho thuê mua xe văn phòng	Tr.đồng	3,994	2,424	61%
	+ Vận tải xe văn phòng tại HN	Tr.đồng	11,800	13,998	119%
	+ Vận tải xe văn phòng tại HCM	Tr.đồng	65,907	73,011	111%
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	232,060	332,290	143%
-	Kinh doanh LPG	Tr.đồng	231,560	331,792	143%
-	DV quảng cáo	Tr.đồng	500	499	100%
1.4	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	510	79	15%
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	7,660	4,878	64%
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	9,870	609	6%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	10,740	11,454	107%
5	Chi phí khác	Tr.đồng	400	1,476	369%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7,000	7,392	106%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5,600	5,479	98%
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	4,000	5,582	140%

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

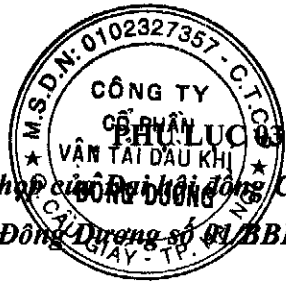
Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018				
			Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	400,000	87,200	95,100	106,300	111,400
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	233,500	45,900	53,700	65,000	68,900
1.1	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	91,200	22,800	22,800	22,800	22,800
-	<i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>91,200</i>	<i>22,800</i>	<i>22,800</i>	<i>22,800</i>	<i>22,800</i>
1.2	Vận tải than	Tr.đồng	-				
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi		13,300	700	700	4,000	7,900
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	129,000	22,400	30,200	38,200	38,200
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>17,200</i>	<i>4,300</i>	<i>4,300</i>	<i>4,300</i>	<i>4,300</i>
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>72,400</i>	<i>18,100</i>	<i>18,100</i>	<i>18,100</i>	<i>18,100</i>
-	<i>Mở rộng thị trường xe vận phòng cho thuê</i>		39,400	-	7,800	15,800	15,800
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	166,500	41,300	41,400	41,300	42,500
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	390,000	86,400	92,900	103,400	107,300
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	371,700	82,100	89,100	98,600	101,900
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	206,600	40,800	47,700	57,300	60,800
-	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	76,000	19,100	18,800	19,200	18,900
	+ <i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>76,000</i>	<i>19,100</i>	<i>18,800</i>	<i>19,200</i>	<i>18,900</i>
-	Vận tải than	Tr.đồng	-				
-	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	12,600	600	600	3,800	7,600
-	Vận tải khác	Tr.đồng	118,000	21,100	28,300	34,300	34,300
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>14,980</i>	<i>3,745</i>	<i>3,745</i>	<i>3,745</i>	<i>3,745</i>
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>67,360</i>	<i>16,840</i>	<i>16,840</i>	<i>16,840</i>	<i>16,840</i>
	+ <i>Mở rộng thị trường xe vận phòng cho thuê</i>		35,660	515	7,715	13,715	13,715
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	165,100	41,300	41,400	41,300	41,100
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	6,000	900	1,000	2,100	2,000
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	12,300	3,400	2,800	2,700	3,400
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10,000	800	2,200	2,900	4,100
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8,000	640	1,760	2,320	3,280
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	10,700	1,960	2,340	3,080	3,320

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018												Ghi chú	
			Tổng cả năm	Quý I			Quý II			Quý III			Quý IV			
				Tổng số quý I	Trong đó		Tổng số quý II	Trong đó		Tổng số quý III	Trong đó		Tổng số quý IV	Trong đó		
					Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác
A	B	C	1=2+5+8+11	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng (I+II+III)	Tỷ đồng	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.300	2.300	-	-
I	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.300	2.300	-	-
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.300	2.300	-	-
	Cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng các NMND Thái Bình trên sông Trà Lý	Tỷ đồng	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.300	2.300	-	-
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(Đính kèm Biên bản họp của Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018)

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT**



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2017

1. Về nhân sự: Ban kiểm soát của Công ty hiện tại gồm 03 thành viên
 - Ông Nguyễn Thế Dân – Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 24/04/2017).
 - Ông Trần Minh Tuấn – KSV (thời giữ chức Trưởng ban ngày 24/04/3027).
 - Ông Phan Xuân Sơn – KSV (bổ nhiệm ngày 24/04/2017).
 - Ông Nguyễn Quang Nguyên – KSV (miễn nhiệm ngày 24/04/2017).
 - Ông Nguyễn Anh Vũ – KSV (miễn nhiệm ngày 24/04/2017).
2. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2017 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2017 theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
3. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
5. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát: Tổng thù lao của BKS phát sinh trong năm 2017 là 42.000.000 đồng. Trong đó: Ông Nguyễn Thế Dân được nhận 12.000.000 đồng, Ông Trần Minh Tuấn được nhận 14.000.000 đồng; Ông Nguyễn Quang Nguyên được nhận 4.000.000 đồng; Ông Nguyễn Anh Vũ được nhận 4.000.000 đồng và Ông Phan Xuân Sơn được nhận 8.000.000 đồng; Về chi phí hoạt động và những lợi ích khác thì không phát sinh.
 - Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty. Các thành viên đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và cũng thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

- Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2017.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát

1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

- Ban Kiểm soát đánh giá cao việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam làm công ty kiểm toán. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

- Các chỉ số về tài chính đều đạt mức an toàn, tuy nhiên cần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng đồng vốn của Công ty.

- Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty liên quan. Những số liệu chính về tình hình tài chính hợp nhất đến 31/12/2017:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	31/12/2017	So với 31/12/2016
I. Tổng tài sản	187,1	69,94%
1. Tài sản ngắn hạn	71,6	64,38%
2. Tài sản dài hạn	115,5	73,89%
II. Tổng nguồn vốn	187,1	69,94%
1. Nợ phải trả	80,5	48,38%
2. Vốn chủ sở hữu	106,5	105,34%

Với số liệu như trên, BKS có nhận xét như sau:

- Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 187,1 tỷ đồng, giảm 30% (tương đương giảm 80,4 tỷ đồng) so với năm 2016, nguyên nhân giảm chủ yếu do giảm các khoản nợ vay của Công ty.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 106,5 tỷ đồng, tăng 5,34% (tương đương tăng 5,4 tỷ đồng) so với năm 2016, nguyên nhân tăng chủ yếu là do được bổ sung từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017.

2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Các loại hình hoạt động SXKD của Công ty đều có hiệu quả, tuy nhiên vẫn có loại hình kinh doanh có hiệu quả thấp so với kỳ vọng.
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty:

- Công ty đã có nhiều cố gắng trong hoạt động SXKD, kết quả đạt được khá tốt, thực hiện đều đạt so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ/ HĐQT yêu cầu.
- Công tác điều hành, quản lý, quản trị được thực hiện tương đối tốt, có cải tiến nhằm điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình SXKD của Công ty.
- Công tác lao động, nhân sự được Công ty quản lý tốt, ít biến động và ổn định, thu nhập của Người lao động tăng so với năm 2016.

4. Về giám sát công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng Quản trị:

- HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- HĐQT đã thực hiện hợp lệ các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu về mặt tài chính mà ĐHĐCĐ đã giao trong năm 2017. Các nhiệm vụ khác đều đã hoàn thành.
- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

b. Ban Điều hành

- Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.
- Báo cáo của Ban Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017. Các quyết định trong điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc đều phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ cũng như các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động giám sát HĐQT & Ban điều hành

- Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định hiện hành.
- Ban Kiểm soát Công ty cũng đã có nhiều đóng góp, hỗ trợ cho HĐQT và Ban điều hành Công ty trong việc kiểm soát rủi ro cũng như trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của Tổng Công ty.

6. Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cổ đông:

- Trong năm 2017, sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được thực hiện tốt.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như các Phòng ban chuyên môn của Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ rất nhiều cho Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

III. Kết luận và kiến nghị

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM.

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành một số vấn đề như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm ngành kinh doanh hiện có;
- Công ty cần có định hướng và biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả của một số loại hình kinh doanh có hiệu quả thấp. Kiểm soát chặt công nợ nhất là công nợ thương mại. Tìm biện pháp để kinh doanh an toàn và nâng cao thêm hiệu quả sử dụng đồng vốn nhân rồi, nhằm mục đích không ngừng bổ sung thêm lợi ích cho cổ đông.
- Tập trung phát triển dự án chiến lược, dài hạn về vận tải tại các thị trường trong nước, cũng như mở rộng hơn nữa sang những thị trường tiềm năng khác;
- Có chiến lược đầu tư phương tiện vận tải kịp thời, thích hợp, đồng thời thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới;
- Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

IV. Kế hoạch và phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu năm 2018, Ban Kiểm soát phấn đấu thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty quy định như sau:

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất của Công ty và các Chi nhánh thông qua hoạt động của Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty, kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của Ban Kiểm soát;
- Thực hiện giám sát Công ty một cách thường xuyên theo chế độ kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất;
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, soát xét Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm;
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích cổ đông;
- Tiếp tục bám sát và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của BKS theo Luật định. Triển khai giám sát công tác đầu tư, chi phí hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định và mang lại hiệu quả;
- Rà soát số liệu BCTC để đảm bảo báo cáo mang tính minh bạch và khách quan. Giám sát tình hình tài chính, vốn kinh doanh và tình hình gia tăng đồng vốn của Công ty;
- Tư vấn cho Hội đồng Quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty;
- Nắm bắt các cơ chế, chính sách đã ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao nhất, không ngừng nâng cao hơn nữa lợi ích chính đáng của Cổ đông.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 04/BH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
BỞI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

011250
CÔNG
H NHIỆM
ELOIT
IỆT N
ĐA - T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Phương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2017)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)
Bà Vũ Thị Phương Nga	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Chấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Số: 576 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.594.116.340	111.208.451.525
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.291.499.140	7.953.872.325
1. Tiền	111		9.291.499.140	7.953.872.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		580.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	580.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.887.894.811	85.357.583.880
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	51.387.202.692	78.795.177.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		208.672.630	3.745.718.349
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.161.705.571	3.914.254.964
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.617.317.632)	(1.845.198.213)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		747.631.550	747.631.550
IV. Hàng tồn kho	140	9	540.382.476	2.294.521.649
1. Hàng tồn kho	141		1.348.061.642	3.102.200.815
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(807.679.166)	(807.679.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.294.339.913	10.602.473.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.141.842.600	2.746.141.970
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.131.756.547	7.856.331.701
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	20.740.766	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.510.031.991	156.329.160.701
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.453.387.500	1.100.287.500
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.453.387.500	1.100.287.500
II. Tài sản cố định	220		113.734.019.454	154.579.182.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	113.734.019.454	154.579.182.649
- Nguyên giá	222		159.401.868.396	212.323.344.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.667.848.942)	(57.744.161.477)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.000.000)	(51.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.325.000	202.325.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	202.325.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		120.300.037	447.365.552
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	120.300.037	447.365.552
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		187.104.148.331	267.537.612.226

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

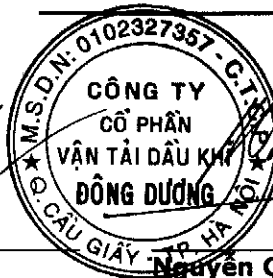
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.546.119.166	166.458.469.579
I. Nợ ngắn hạn	310		47.885.348.463	98.631.017.326
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	29.503.510.548	72.352.832.292
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.372.836	29.192.353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	3.004.591.417	424.284.240
4. Phải trả người lao động	314		2.171.072.137	3.214.133.742
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.330.089.093	1.712.103.174
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		836.500.000	1.432.660.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.843.424.178	1.475.511.343
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	6.313.050.360	16.652.450.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	1.830.737.894	1.337.850.182
II. Nợ dài hạn	330		32.660.770.703	67.827.452.253
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	2.352.083.653	4.268.483.653
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	30.308.687.050	63.558.968.600
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.558.029.165	101.079.142.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	106.558.029.165	101.079.142.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.558.029.165	1.079.142.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.079.142.647	(2.468.582.370)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.478.886.518	3.547.725.017
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		187.104.148.331	267.537.612.226

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Doãn Văn Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	518.802.857.455	545.810.671.074
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	518.802.857.455	545.810.671.074
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	494.311.589.549	527.170.536.376
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.491.267.906	18.640.134.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		145.589.475	1.394.975.853
7. Chi phí tài chính	22		4.878.223.166	1.327.809.790
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.878.223.166	1.327.809.790
8. Chi phí bán hàng	25	22	608.512.344	2.369.292.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	11.453.795.759	9.892.199.101
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.696.326.112	6.445.809.660
11. Thu nhập khác	31	23	1.171.774.073	508.764.080
12. Chi phí khác	32	24	1.476.268.525	2.199.091.204
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(304.494.452)	(1.690.327.124)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.391.831.660	4.755.482.536
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	1.912.945.142	1.207.757.519
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.478.886.518	3.547.725.017
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	548	355

Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Doãn Văn Chiến
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy
 Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.391.831.660	4.755.482.536
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.685.356.836	16.832.174.925
Các khoản dự phòng	03	265.007.131	(111.741.310)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(945.658.219)	(434.026.390)
Chi phí lãi vay	06	4.878.223.166	1.327.809.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.274.760.574	22.369.699.551
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36.552.664.232	(43.467.057.827)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.754.139.173	(465.166.605)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(41.423.364.594)	34.225.501.601
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	931.364.885	(966.537.435)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.878.223.166)	(1.327.809.790)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.545.601.119)	(1.120.528.546)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.011.600.000	2.872.623.995
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.400.000.000)	(2.816.793.174)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.277.339.985	9.303.931.770
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(115.033.709.130)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	14.116.738.739	11.971.516.445
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(580.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	113.229.281	1.420.342.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.649.968.020	(106.641.850.165)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	79.128.718.600
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.589.681.190)	(9.507.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.589.681.190)	69.621.418.600
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	6.337.626.815	(27.716.499.795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.953.872.325	35.670.372.120
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	14.291.149.140	7.953.872.325

Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu

Doãn Văn Chiến
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 192 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 195 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	120.279.999	404.466.497
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.171.219.141	7.549.405.828
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
	14.291.499.140	7.953.872.325

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng kỳ hạn 5 tháng, lãi suất 5,2%/năm với số tiền là 430.000.000 VND và khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng kỳ hạn 4 tháng, lãi suất 5,3%/năm với số tiền là 150.000.000 VND.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.599.964.288	58.759.139.701
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dầu Khí An Dương	16.595.640.600	-
Công ty TNHH Sellan gas	9.222.762.613	-
Công ty TNHH thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Duy Vũ	712.600.000	-
Công ty TNHH MTV Gas Venus	-	52.743.933.960
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang	-	821.275.436
Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	-	636.559.994
Công ty Cổ phần Việt Xô Gas	882.711.614	47.445.774
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàn Kiếm	-	13.908.001
Đối tượng khác	5.186.249.461	4.496.016.536
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 28)	18.787.238.404	20.036.037.529
	51.387.202.692	78.795.177.230

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn:	2.161.705.571	3.914.254.964
Tạm ứng	987.331.093	1.250.078.815
Khác	1.174.374.478	2.664.176.149
b. Dài hạn:	1.453.387.500	1.100.287.500
Ký cược, ký quỹ	1.453.387.500	1.100.287.500
	3.615.093.071	5.014.542.464

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng đã trích	Giá gốc	Dự phòng đã trích
	VND	VND	VND	VND
Công nợ phát sinh trên 3 năm	1.617.317.362	1.617.317.632	1.845.198.213	1.845.198.213
- Phải thu khách hàng	572.480.598	572.480.598	840.248.789	840.248.789
- Tạm ứng cho nhân viên	-	-	49.186.382	49.186.382
- Phải thu ngắn hạn khác	935.816.165	935.816.435	846.742.443	846.742.443
- Trả trước cho nhà cung cấp	109.020.599	109.020.599	109.020.599	109.020.599

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.284.473.586	807.679.166	1.294.217.264	807.679.166
Hàng hoá	63.588.056	-	1.807.983.551	-
Cộng	1.348.061.642	807.679.166	3.102.200.815	807.679.166

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.141.842.600	2.746.141.970
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.141.842.600	2.746.141.970
b) Dài hạn	120.300.037	447.365.552
- Dịch vụ thuê xe bồn LPG	-	71.404.126
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	120.300.037	375.961.426
	2.262.142.637	3.193.507.522

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	3.162.296.301	209.089.806.461	71.241.364	212.323.344.126
Thanh lý trong năm	-	(53.078.339.366)	-	(53.078.339.366)
Khác		156.863.636		156.863.636
Số dư cuối năm	3.162.296.301	156.168.330.731	71.241.364	159.401.868.396
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.661.427.488	55.011.492.625	71.241.364	57.744.161.477
Trích khấu hao trong năm	313.406.160	27.371.950.676	-	27.685.356.836
Thanh lý trong năm	-	(39.761.669.371)	-	(39.761.669.371)
Số dư cuối năm	2.974.833.648	42.621.773.930	71.241.364	45.667.848.942
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	500.868.813	154.078.313.836	-	154.579.182.649
Tại ngày cuối năm	187.462.653	113.546.556.801	-	113.734.019.454

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 62.683.186.800 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 111.718.525.995 VND) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.391.980.941 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.442.980.941 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	21.481.508.086	21.481.508.086	59.111.331.102	59.111.331.102
Công ty TNHH Sellan gas	-	-	52.562.433.960	52.562.433.960
Công ty TNHH Tú An	16.595.640.600	16.595.640.600	-	-
Các đối tượng khác	4.885.867.486	4.885.867.486	6.548.897.142	6.548.897.142
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 28)	8.022.002.462	8.022.002.462	13.241.501.190	13.241.501.190
	29.503.510.548	29.503.510.548	72.352.832.292	72.352.832.292

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			Số cuối năm VND
	Số đầu năm VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	20.740.766	-	20.740.766
Thuế GTGT đầu ra	-	20.740.766	-	20.740.766
Cộng	-	20.740.766	-	20.740.766
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.489.614.403	1.296.150.329	2.193.464.074
- Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	-	3.489.614.403	1.296.150.329	2.193.464.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	334.549.572	1.912.945.142	1.545.601.119	701.893.595
Các loại thuế khác	89.734.668	179.131.024	159.631.944	109.233.748
Thuế thu nhập cá nhân	89.734.668	174.131.024	154.631.944	109.233.748
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	424.284.240	5.581.690.569	3.001.383.392	3.004.591.417

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	16.652.450.000	16.652.450.000	12.089.172.550	22.428.572.190	6.313.050.360	6.313.050.360
Cộng	16.652.450.000	16.652.450.000	12.089.172.550	22.428.572.190	6.313.050.360	6.313.050.360

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm chi phí trích trước sửa chữa lớn cho dự án CNG ở Thái Bình, sửa chữa xe bồn LPG và xe cho thuê dịch vụ.

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe và khách hàng thuê xe.

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	80.211.418.600	80.211.418.600	-	43.589.681.190	36.621.737.410	36.621.737.410
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	44.718.550.000	44.718.550.000	-	30.718.550.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- HĐ số 1502LAV201600787 ký ngày 14/12/2016 (i)	25.991.630.000	25.991.630.000	-	11.991.630.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- HĐ số 1502LAV201500527 ký ngày 03/8/2015	9.150.000.000	9.150.000.000	-	9.150.000.000	-	-
- HĐ số 1502LAV201600532 ký ngày 14/9/2016	1.278.700.000	1.278.700.000	-	1.278.700.000	-	-
- HĐ số 1502LAV201600749 ký ngày 14/12/2016	8.298.220.000	8.298.220.000	-	8.298.220.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội (ii)	35.492.868.600	35.492.868.600	-	12.871.131.190	22.621.737.410	22.621.737.410
Cộng	80.211.418.600	80.211.418.600	-	43.589.681.190	36.621.737.410	36.621.737.410

(i) Các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 12 năm 2016 để thanh toán tiền mua ô tô các loại. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (không có ân hạn). Các khoản vay sẽ được trả đều 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 8,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên và lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả sau của Agribank Hoàn Kiếm cộng 2,5% đến 3%/năm, trả nợ lãi hàng tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm 40 xe ô tô các loại có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 18.764.221.848 VND.

(ii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho mục đích thanh toán thư tín dụng cho hợp đồng mua bồn từ công ty Xperion Energy & Environment GmbH. Hợp đồng vay có hạn mức là 1.428.000 EUR, thời hạn giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 7,9%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ngày điều chỉnh lãi suất cộng 1,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 06 bồn Composite CNG có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 43.918.964.952 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.313.050.360	16.652.450.000
Trong năm thứ hai	9.916.398.360	17.523.962.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	20.392.288.690	46.035.006.600
	36.621.737.410	80.211.418.600
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	6.313.050.360	16.652.450.000
Số phải trả sau 12 tháng	30.308.687.050	63.558.968.600

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	(2.468.582.370)	97.531.417.630
Lợi nhuận trong năm	-	3.547.725.017	3.547.725.017
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	1.079.142.647	101.079.142.647
Lợi nhuận trong năm	-	5.478.886.518	5.478.886.518
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	6.558.029.165	106.558.029.165

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	38.670.000.000	38,67	48.670.000.000	4.867.000	48.670.000.000	4.867.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	10.002.000.000	10,00	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	10.000.000.000	1.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	-	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Các cổ đông khác	11.328.000.000	11,33	31.330.000.000	3.133.000	21.330.000.000	2.133.000
	100.000.000.000	100	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.802.857.455	545.810.671.074
Doanh thu bán hàng	332.008.209.898	409.701.680.555
Doanh thu cung cấp dịch vụ	186.794.647.557	136.108.990.519
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 28)</i>	<i>111.642.681.304</i>	<i>295.759.993.054</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.802.857.455	545.810.671.074

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	331.791.751.136	410.108.532.755
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	162.519.838.413	117.062.003.621
	494.311.589.549	527.170.536.376

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.927.375.259	8.874.140.107
Chi phí nhân công	32.822.700.399	20.944.020.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.277.049.072	16.146.736.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.293.240.988	76.316.675.121
Chi phí khác bằng tiền	27.260.746.455	7.829.945.636
	174.581.112.173	130.111.517.316

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	11.453.795.759	9.892.199.101
Chi phí nhân công	5.434.597.054	4.136.035.580
Chi phí vật liệu quản lý	532.634.972	739.414.992
Chi phí đồ dùng văn phòng	58.603.050	41.597.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.776.566	101.698.885
Chi phí thuế, phí và lệ phí	94.766.620	112.737.091
Chi phí dự phòng	542.017.784	238.352.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.524.742.721	3.047.704.358
Chi phí khác bằng tiền	1.107.656.992	1.474.658.418
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	608.512.344	2.369.292.000
Chi phí phát triển thi trường	608.512.344	838.000.000
Chi phí mua ngoài	-	1.531.292.000

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	800.068.744	-
Thu nhập khác	371.705.329	508.764.080
	1.171.774.073	508.764.080

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	960.949.462
Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	1.347.057.764	-
Chi phí khác	129.210.761	1.238.141.742
	1.476.268.525	2.199.091.204

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	7.391.831.660	4.755.482.536
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	2.172.894.050	1.283.305.057
<i>Cộng: Chi phí không hợp lệ</i>	2.172.894.050	1.283.305.057
Thu nhập chịu thuế	9.564.725.710	6.038.787.593
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.912.945.142	1.207.757.519
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.912.945.142	1.207.757.519

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.478.886.518	3.547.725.017
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	548	355

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	18.530.150.000	10.250.342.763

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	10.252.500.000	11.137.021.667
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.174.980.000	8.848.600.000
	17.427.480.000	19.985.621.667

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trong năm và số dư chủ yếu tại ngày kết thúc năm bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Tổng Công ty
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
3	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	Cùng Tập đoàn
6	Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
7	Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
8	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Cùng Tập đoàn
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
12	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
14	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
15	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
18	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
19	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.642.681.304	295.759.993.054
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	148.340.943.829
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	38.743.465.261	42.589.221.051
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	35.440.759.533	33.210.167.692
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	15.035.259.259	26.813.397.008
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	-	25.369.222.224
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	866.238.412	7.042.493.500
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	2.762.722.000	2.973.738.000
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.498.933.273	2.429.545.452
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	2.772.433.010	1.831.182.412
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	1.796.167.400	1.303.610.620
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.412.550.834	1.267.500.632
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	5.444.619.520	1.162.200.000
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.630.886.841	985.404.375
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Hà Nội	-	225.269.889
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.238.645.961	216.096.370
Mua hàng hóa và dịch vụ	121.545.640.004	325.526.507.826
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	174.780.152.143
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	50.330.071.653	52.819.588.525
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	-	43.491.952.066
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	38.368.265.673	41.501.967.837
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	7.783.350.390	6.682.085.708
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	24.131.688.670	5.035.488.543
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	932.263.618	747.878.273
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Hà Nội	-	467.394.731

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.684.505.834	1.307.123.074

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu	18.787.238.404	20.036.037.529
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.871.637.492	7.816.775.419
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	8.583.862.165	4.353.613.215
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	2.825.908.206	3.061.373.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	2.590.025.464
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	242.770.000	1.026.493.045
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	504.260.185	379.358.788
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	2.248.414.158	296.472.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	290.386.198	291.926.198
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	220.000.000	220.000.000
Phải trả	8.022.002.462	13.241.501.190
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	3.794.200.846	5.520.686.267
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.507.447.546	4.091.845.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	1.979.188.890
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	720.354.070	838.464.010
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	811.316.119
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	-	-



Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2018



Doãn Văn Chiến
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 05:

(Đính kèm Biên bản họp Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018)

BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.



BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.

1. Báo cáo thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2017:

Kế hoạch Thù lao HĐQT và BKS năm 2017 đã được phê duyệt: 174.000.000 đồng
(Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).

- Thù lao đã chi cho HĐQT và BKS năm 2017:
- Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/tháng
- Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng (số lượng 03 người, do không chi thù lao cho Giám đốc Công ty kiêm Ủy viên HĐQT).
- Trưởng Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng
- Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng (02 người)

Tổng cộng năm 2017: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2018:

- Đối với các chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm, Trưởng ban Kiểm soát kiêm nhiệm và Kiểm soát viên kiêm nhiệm:
 - + Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/tháng
 - + Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng
 - + Trưởng Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng
 - + Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng

Tổng quỹ thù lao năm 2018: 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).

- Đối với các chức danh Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên chuyên trách sẽ do Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương trả theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG TY
CỔ PHẦN PHỤ LỤC 06:

(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018)

Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương năm 2018



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4

CHƯƠNG I..... 4

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ..... 4

 Điều 1. Giải thích thuật ngữ:..... 4

CHƯƠNG II: 5

TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. 5

 Điều 2. Tên, Người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty..... 5

CHƯƠNG III..... 5

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 5

 Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty..... 5

 Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động..... 7

CHƯƠNG IV 7

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 7

 Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần 7

 Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 8

 Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác 8

 Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần..... 8

CHƯƠNG V..... 8

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY..... 8

 Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty 8

CHƯƠNG VI..... 9

CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG..... 9

 Điều 10. Quyền của cổ đông..... 9

 Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông..... 10

 Điều 12. Đại hội đồng cổ đông 10

 Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 12

 Điều 14. Đại diện theo uỷ quyền..... 13

 Điều 15. Thay đổi các quyền 14

 Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 15

 Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 16

 Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..... 17

 Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... 19

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
CHƯƠNG VII.....	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 23. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:	23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	24
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	25
Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	27
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	28
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	28
Điều 29. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị	31
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	31
CHƯƠNG VIII.....	32
GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	32
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 32. Người điều hành Công ty	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	33
CHƯƠNG IX.....	34
BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	34
Điều 35. Kiểm soát viên	34
Điều 36. Ban Kiểm soát.....	36
CHƯƠNG X.....	37
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	37
Điều 37. Trách nhiệm cần trọng.....	37
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
CHƯƠNG XI.....	39
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	39
CHƯƠNG XII.....	40
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn.....	40

CHƯƠNG XIII	40
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG XIV	41
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH	41
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 44. Năm tài chính.....	41
Điều 45. Chế độ Kế toán	41
CHƯƠNG XV	41
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM	41
CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	41
Điều 47. Báo cáo thường niên	42
CHƯƠNG XVI	42
KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 48. Kiểm toán	42
CHƯƠNG XVII	43
CON DẤU	43
Điều 49. Con dấu.....	43
CHƯƠNG XVIII	43
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	43
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	43
Điều 51. Thanh lý.....	43
CHƯƠNG XIX	44
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
CHƯƠNG XX	44
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	44
CHƯƠNG XXI	45
NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tổ chức chính thức vào ngày 20 tháng 4 năm 2018.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ:

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - c. “Luật chứng khoán” là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu.
 - e. “Người điều hành Công ty” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ này.
 - f. “Người quản lý khác” là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty
 - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
 - h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - i. Cổ đông của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.
 - k. “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II:

TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, Người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: PVTRANS-PTT

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84-24) 35563031/32

- Fax: (84-24) 35563033

- E-mail: petrotrans@fpt.vn

- Website: <http://pvtrans-ptt.vn>

4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể Công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau: vận chuyển hành khách theo hợp đồng; vận chuyển hành khách theo tuyến cố định; vận tải hàng hoá xăng, dầu, gas.

- Cho thuê xe tự lái.

- Buôn bán xăng, dầu, khí hoá lỏng.

- Dịch vụ bến đỗ xe, trạm dừng xe.
- Lữ hành nội địa và quốc tế.
- Sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
- Kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas; chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt.
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng xe taxi.
- Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản.
- Dịch vụ quảng cáo, quản lý, đấu giá và tư vấn về bất động sản (không bao gồm hoạt động về tư vấn giá đất).
- Mua bán phân bón hoá học, phân vi sinh
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ Quảng cáo thương mại.
- Kinh doanh, buôn bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: Các loại hạt nhựa Polypropylene (PP), Polyethylene (PE); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm, đồ lưu niệm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí”.
- Mua bán khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác.
- Mua bán than.
- Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển khí CNG.
- Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển than.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ và đường thủy.
- Cung ứng lao động tạm thời (Chi tiết: Cho thuê lại lao động) và Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Thu lợi nhuận tối đa, tăng giá trị doanh nghiệp;
- Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông;
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;

- Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước;

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần (*Mười triệu cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 10.000.000 cổ phần phổ thông (*Mười triệu cổ phần*). Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp
3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc/và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

- c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- d. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội **đồng cổ đông** và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ

tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Công ty có thể mời đại diện Công ty Kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

- k. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - l. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - n. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật;
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho Luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ **việc chỉ định ủy quyền**;
 - c. Người ủy quyền **đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền**;Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan

đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các loại cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các

cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại cuộc họp theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách **đánh dấu** theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;Thông báo về việc tổ chức họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của cuộc họp.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định;

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty **phiếu lấy ý kiến đã được trả lời**;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử

phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến để thông qua nghị quyết ;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90%

được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến

ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá năm (5) công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người điều hành Công ty;

- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định chào giá bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác nếu có;
3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất
 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty;
 - c. Thành lập Công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.
 - d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1 Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

- phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
- e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - g. Việc mua lại hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các tài sản phi tiền tệ khác;
 - i. Việc mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường

của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị **phải có trách nhiệm** đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty;

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban Kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;

- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2, Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai (02) trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất (01). Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng

phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của một thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên

quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị

Điều 29. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị

Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn

nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm khẩn cấp để Công ty đạt được các mục tiêu đã đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tiền thù lao, tiền lương, lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị, thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

- f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Công ty.
 - h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng **cần thiết**, **Ban Kiểm soát đương nhiệm** có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ Công ty;
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện **quyền và nghĩa vụ** của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp **bất khả kháng**;
 - c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Người điều hành Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ các trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

- a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;
- c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;
- d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính

- và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
 4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội

đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó,

những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (1) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai (12) cùng năm.

Điều 45. Chế độ Kế toán

1. Chế độ Kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, Công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế,

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.
 3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu (6) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.
 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c. Các trường hợp theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của Người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;

- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) cho đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác và Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay Người điều hành Công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án Kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương nhất trí thông qua ngàytháng.....năm.... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



*(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018)*

**Quy chế nội bộ về quản trị công ty
của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương năm 2018**



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**
(Ban hành kèm Nghị quyết số/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày .../.../2018)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng dựa trên Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Quản trị Công ty:** là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;
- **Luật Doanh nghiệp:** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- **Luật chứng khoán:** là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức được quy định tại “Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp” và “Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán”;
- **Người điều hành Công ty:** là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- **Người quản lý khác:** là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- **Cổ đông của Công ty:** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- **Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành:** Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về Quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

**CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Công ty công bố.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu

1. Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng cổ đông một (01) Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

2. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 7. Nguyên tắc và cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

2. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

3. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

4. Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

5. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Cách thức kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

1. Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
2. Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
3. Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
4. Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;

5. Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 9. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

2. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT và BKS, Danh sách trúng cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

Điều 10. Nội dung biểu quyết được thông qua

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông/đại diện ủy quyền và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của các cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác

của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông/người được ủy quyền đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được lập và công bố cùng thời điểm với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Yêu cầu hủy bỏ quyết định Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ Công ty.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết **bao gồm: tán thành, không tán thành** và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

CHƯƠNG III **ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM** **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 16. Ứng cử, đề cử người thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác nhưng không quá 05 (năm) công ty khác;
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty;
 - e. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là Người điều hành của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

f. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định lựa chọn cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo một trong hai phương thức nêu trên. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế bầu cử. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những

bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Thông báo họp, điều kiện họp, cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản

trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này **phải công khai** các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị **được tổ chức sau khi** thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch **hoặc hợp đồng nêu trên**.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22. Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên

bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị tới các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 23. Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 và Điều 18 Quy chế này về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
5. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
6. Kiểm soát viên Công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia ý kiến của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

2. Kiểm soát viên bị **bãi nhiệm** trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 27. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Các tiểu ban, cơ cấu, tiêu chuẩn, trách nhiệm thành viên và trưởng tiểu ban

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ

nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên cũng như Trưởng tiểu ban.

CHƯƠNG VII GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điều 65 và điều 157 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp được được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 33. Trách nhiệm ban hành các quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty để xây dựng ban hành các Quy chế, quy định cụ thể về hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty trong các công tác quản lý, kiểm tra giám sát, quản trị điều hành Công ty.

Điều 34. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

1. Các thủ tục, trình tự họp tương tự như quy định tại Điều 21 Quy chế này.
2. Người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 35. Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 36. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Giám đốc Công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề cụ thể như sau:

1. Báo cáo Hội đồng quản trị Công ty:
 - a. Định kỳ báo cáo Hội đồng Quản trị Công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;
 - b. Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:

a. Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b. Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc Công ty theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Công ty;

c. Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty;

d. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

e. Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc

Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 38. Cách thức Giám đốc cung cấp thông tin và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Giám đốc và Người điều hành Công ty phải báo cáo, cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát, hoặc các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc gửi báo cáo, cung cấp thông tin và tài liệu nêu trên phải đảm bảo đến đúng địa chỉ đã được thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên đăng ký với Công hoặc theo địa chỉ được yêu cầu.

Điều 39. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 40. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật

Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc

đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành của Công ty.

CHƯƠNG X LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 41. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị có thể **bãi nhiệm** Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Việc thông báo bãi nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật./.

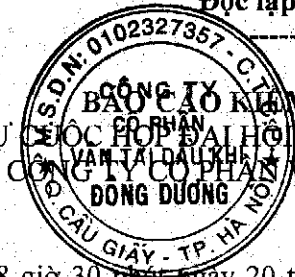


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG



Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại phòng hội nghị tầng 5, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình, Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính – Trưởng ban.
2. Ông Nguyễn Thành Cường, Trưởng Phòng Kinh doanh – Thành viên.
3. Bà Ngọc Thị Phương – Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính – Thành viên.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với kết quả cụ thể như sau:

1. Số cổ đông tham dự đại hội : 12 cổ đông.
Trong đó: + Tham dự trực tiếp : 03 cổ đông.
+ Tham dự thông qua uỷ quyền : 09 cổ đông.

2. Đại diện cho quyền sở hữu 8.929.320 cổ phần bằng 89,2932 % tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết (*chi tiết Danh sách kèm theo*).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương được lập vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 4 năm 2018 và được báo cáo công khai trước Đại hội.

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Bình

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Tổ Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Thành Cường – Trưởng phòng Kinh doanh – Tổ trưởng.
2. Ông Nguyễn Huy Bình – Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư – Tổ viên
3. Bà Nguyễn Thị Tình – Phó phòng Kinh doanh – Tổ viên
4. Bà Nguyễn Thanh Hiền – Nhân viên Phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư – Tổ viên
5. Bà Nguyễn Thị Vân Hạnh – Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch – Tổ viên

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Tổ Kiểm phiếu xin thông báo kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

I. Các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương:

- Tổng số phiếu phát ra: **08** phiếu đại diện cho **8.929.320** cổ phần, bằng **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Tổng số phiếu thu về: **08** phiếu đại diện cho **8.929.320** cổ phần, bằng **100%** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Tổng số phiếu hợp lệ: **08** phiếu đại diện cho **8.929.320** cổ phần, bằng **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu đại diện cho **0** cổ phần, bằng **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Kết quả các nội dung biểu quyết cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị:

- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000%** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Giám đốc:

- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
- 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát:**
- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000%** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
- 4. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:**
- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
- 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:**
- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
- 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017:**
- Biểu quyết đồng ý là **7.929.320** cổ phần, chiếm **88,8009 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là **1.000.000** cổ phần, chiếm **11,1991 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
 - Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
- 7. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.**

- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

8. Thông qua Báo cáo thực hiện thù lao năm 2017 và Kế hoạch thù lao năm 2018 của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

9. Thông qua Đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2018 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

10. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với ông Phạm Anh Tuấn thay thế ông Nguyễn Quốc Phương kể từ ngày 20/9/2017 và bầu ông Hoàng Trung Hưng thay thế bà Trần Thị Thu Phong kể từ ngày 14/3/2018:

- Biểu quyết đồng ý là **8.929.320** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0,000 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

11. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Biểu quyết đồng ý là **7.929.320** cổ phần, chiếm **88,8009 %** số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

10
CÔ
CÔ
N T
ÔN
GIẢ

- Biểu quyết không đồng ý là 1.000.000 cổ phần, chiếm 11,1991 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

12. Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương:

- Biểu quyết đồng ý là 8.929.320 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

13. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Quang Huy:

- Biểu quyết đồng ý là 8.929.320 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

14. Thông qua việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Trần Minh Tuấn:

- Biểu quyết đồng ý là 8.929.320 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

II. Bầu thành viên HĐQT chuyên trách và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 – 2022:

- Căn cứ thông báo ngày 09/4/2018 của Hội đồng Quản trị về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 – 2022 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
- Căn cứ Tờ trình miễn nhiệm và giới thiệu nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách nhiệm kỳ 2017-2022 và Tờ trình miễn nhiệm và giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 – 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

+ Danh sách giới thiệu nhân sự bầu bổ sung 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách nhiệm kỳ 2017-2022 thay thế Ông Nguyễn Quang Huy gồm có: 01 nhân sự là: **Ông Bùi Hữu Cơ**.

+ Danh sách giới thiệu nhân sự bầu bổ sung 01 (một) Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 – 2022 thay thế Ông Trần Minh Tuấn gồm có: 01 nhân sự là: **Bà Lê Hải Yến**.

- Tổ Kiểm phiếu đã phổ biến và được Đại hội thông qua Quy chế bầu cử.

- Ban Kiểm phiếu đã tiến hành phát phiếu bầu cử, giám sát quá trình bầu cử, thu phiếu để tiến hành kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

1. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT chuyên trách:

- Tổng số phiếu phát ra: **08** phiếu, đại diện cho **8.929.320** cổ phần với tổng số quyền bầu là **8.929.320**.

- Tổng số phiếu thu về: **08** phiếu, đại diện cho **8.929.320** cổ phần với tổng số quyền bầu là **8.929.320**.

- Trong đó:

- Số phiếu hợp lệ: **08** phiếu, đại diện cho **8.929.320** cổ phần với tổng số quyền bầu là **8.929.320**.

- Số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, đại diện cho **0** cổ phần với tổng số quyền bầu là **0**.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

- Ông Bùi Hữu Cơ: Số phiếu bầu đạt được **8.929.320** trên tổng số **8.929.320** quyền bầu.

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, thể lệ bầu cử đã được thông qua và Điều lệ chức và hoạt động của Công ty ông Bùi Hữu Cơ đã trúng cử làm thành viên HĐQT chuyên trách.

2. Kiểm phiếu bầu Kiểm soát viên:

- Tổng số phiếu phát ra: **08** phiếu, đại diện cho **8.929.320** cổ phần với tổng số quyền bầu là **8.929.320**.

- Tổng số phiếu thu về: **08** phiếu, đại diện cho **8.929.320** cổ phần với tổng số quyền bầu là **8.929.320**.

- Trong đó:

- Số phiếu hợp lệ: **08** phiếu, đại diện cho **8.929.320** cổ phần với tổng số quyền bầu là **8.929.320**.

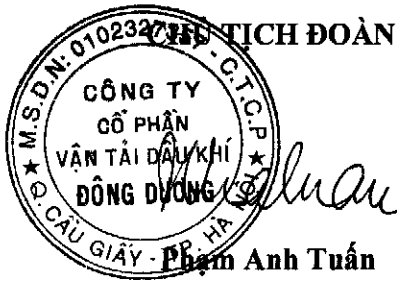
- Số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, đại diện cho **0** cổ phần, với tổng số quyền bầu là **0**.

Kết quả bầu cử Kiểm soát viên như sau:

Bà Lê Hải Yến: Số phiếu bầu đạt được **8.929.320** trên tổng số **8.929.320** quyền bầu.

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, thể lệ bầu cử đã được thông qua và Điều lệ chức và hoạt động của Công ty bà Lê Hải Yến đã trúng cử làm Kiểm soát viên Công ty.

Biên bản kiểm phiếu gồm 06 trang, được lập xong vào hồi 11 giờ 35 phút ngày 20 tháng 4 năm 2018 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.



TỜ KIỂM PHIẾU
Tổ trưởng

Nguyễn Thành Cường

Các tổ viên:

Nguyễn Huy Bình

Nguyễn Thị Tinh

Nguyễn Thị Vân Hạnh

Nguyễn Thanh Hiền

